

UBND PHƯỜNG ĐỒNG HỚI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD&PTQĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1076/BQL

Đồng Hới, ngày 18 tháng 06 năm 2026

Về việc công khai dự thảo phương án bồi thường,
hỗ trợ GPMB thực hiện dự án Hệ thống đường nổi
từ trung tâm thành phố đi sân bay Đồng Hới tại
phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị (đợt 11)

Kính gửi: UBND phường Đồng Thuận

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định
một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật
Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định
về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ về quy
định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định
về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp
trong lĩnh vực đất đai; Quyết định số 2418/QĐ-BNNMT ngày 28/6/2025 của Bộ
Nông nghiệp và Môi trường về việc đính chính Nghị định 151/NĐ-CP ngày
16/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa
phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ về sửa
đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ về quy
định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc
hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức
thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/2024 của UBND tỉnh
Quảng Bình về việc Quy định mức bồi thường khi nhà nước thu hồi đất mà gây thiệt
hại đối với vật nuôi là thủy sản hoặc vật nuôi khác mà không thể di chuyển trên địa
bàn tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/2024 của UBND tỉnh
Quảng Bình về việc Ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng,
vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; Quyết định số
12/2025/QĐ-UBND ngày 26/02/2025 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc Sửa đổi,
bổ sung một số điều của quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật
nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình ban hành kèm theo
Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/2024; Quyết định số 1803/QĐ-
UBND ngày 03/10/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc áp dụng văn bản quy
phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình và Ủy ban nhân dân tỉnh
Quảng Trị (cũ) ban hành trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;



Căn cứ Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 11/02/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất; mức bồi thường chi phí di chuyển tài sản và mức bồi thường, hỗ trợ do phải di dời mồ mả trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/03/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 30/06/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư công trung hạn Ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 155/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Quảng Bình về việc thông qua danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị về quy định Bảng giá đất áp dụng từ ngày 01/01/2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Quyết định số 4561/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Bình về phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án Hệ thống đường nối từ trung tâm thành phố đi sân bay Đồng Hới; Quyết định số 766/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án Hệ thống đường nối từ trung tâm thành phố đi sân bay Đồng Hới;

Căn cứ Công văn số 212/UBND-NNMT ngày 19/1/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị và Công văn số 273/SNNMT-QLĐĐ ngày 14/1/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc áp dụng xác định giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Công văn số 532/UBND-NNMT ngày 09/2/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc triển khai công tác quản lý đất đai sau khi Chính phủ ban hành Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026;

Căn cứ Bảng thống kê kết quả đo đạc kèm theo chỉnh lý địa chính tờ BĐĐC số 25, 26, 27, 30, 31, 32, 33 xã Lộc Ninh, tỷ lệ 1:1000 do Trung tâm Phát triển Quỹ đất lập được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt ngày 18/10/2023; Bảng thống kê kết quả đo đạc kèm theo chỉnh lý địa chính tờ BĐĐC số 199, 208, 209, 210, 211 phường Đồng Thuận, tỷ lệ 1:1000 do Trung tâm Phát triển Quỹ đất lập được Sở Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt ngày 12/03/2026; Bảng thống kê kết quả đo đạc kèm theo chỉnh lý địa chính tờ BĐĐC số 199, 208, 209, 210, 211 phường Đồng Thuận, tỷ lệ 1:1000 do Trung tâm Phát triển Quỹ đất lập được Sở Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt ngày 15/05/2026; Bảng thống kê kết quả đo đạc kèm theo chỉnh lý địa chính tờ BĐĐC số 199, 210 phường Đồng Thuận, tỷ lệ 1:500 do Trung tâm Phát triển Quỹ đất lập được Sở Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt ngày 21/05/2026;

Căn cứ Quyết định số 1049/QĐ-UBND ngày 15/6/2026 của UBND phường Đồng Thuận về việc phê duyệt Điều chỉnh các lô đất quy hoạch ký hiệu TĐC-1.07, TĐC-1.08, TĐC-1.09 và TĐC-4.09 thuộc đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết cục bộ các lô đất có ký hiệu TĐC1, TĐC2, TĐC3, TĐC4, OHT-03, OHT-04 trong đồ án quy hoạch chi tiết Trung tâm thể dục thể thao tỉnh Quảng Bình, tỷ lệ 1/500;

Căn cứ Thông báo số 170/TB-UBND ngày 05/9/2025 của UBND phường Đồng Thuận về Thu hồi đất để thực hiện dự án Hệ thống đường nối từ trung tâm thành phố đi sân bay Đồng Hới tại phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị (đợt 7); Thông báo số 238/TB-UBND ngày 16/10/2025 của UBND phường Đồng Thuận về Thu hồi đất để thực hiện dự án Hệ thống đường nối từ trung tâm thành phố đi sân bay Đồng Hới tại phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị (đợt 8);

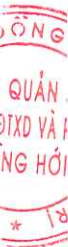
Căn cứ Thông báo số 809/TB-UBND ngày 23/03/2026 của UBND phường Đồng Thuận về việc điều chỉnh danh sách kèm theo Thông báo số 238/TB-UBND ngày 16/10/2025 của UBND phường Đồng Thuận về Thu hồi đất để thực hiện dự án Hệ thống đường nối từ trung tâm thành phố đi sân bay Đồng Hới tại phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị (đợt 8); Thông báo số 1671/TB-UBND ngày 26/05/2026 của UBND phường Đồng Thuận về việc điều chỉnh danh sách kèm theo Thông báo số 238/TB-UBND ngày 16/10/2025 của UBND phường Đồng Thuận về Thu hồi đất để thực hiện dự án Hệ thống đường nối từ trung tâm thành phố đi sân bay Đồng Hới tại phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị (đợt 8); Thông báo số 1728/TB-UBND ngày 28/05/2026 của UBND phường Đồng Thuận về việc điều chỉnh danh sách kèm theo Thông báo số 238/TB-UBND ngày 16/10/2025 của UBND phường Đồng Thuận về Thu hồi đất để thực hiện dự án Hệ thống đường nối từ trung tâm thành phố đi sân bay Đồng Hới tại phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị (đợt 8);

Căn cứ Công văn số 385/UBND-KTHT&ĐT ngày 31/8/2025 của UBND phường Đồng Thuận về việc xác nhận nguồn gốc, sai khác số tờ, số thửa, tăng giảm diện tích sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng do GPMB thuộc dự án Hệ thống đường nối từ trung tâm thành phố đi sân bay Đồng Hới; Công văn số 1049/UBND-KTHT&ĐT ngày 11/5/2026 của UBND phường Đồng Thuận về việc phúc đáp nguồn gốc, sai khác số tờ, số thửa, tăng giảm diện tích sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng do GPMB thực hiện dự án Hệ thống đường nối từ trung tâm thành phố đi sân bay Đồng Hới tại phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị; Công văn số 1461/UBND-KTHT&ĐT ngày 11/5/2026 của UBND phường Đồng Thuận về việc xác nhận nguồn gốc, sai khác số tờ, số thửa, tăng giảm diện tích sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng do GPMB thuộc dự án Hệ thống đường nối từ trung tâm thành phố đi sân bay Đồng Hới;

Căn cứ Công văn số 1446/UBND-KTHT&ĐT ngày 11/05/2026 của UBND phường Đồng Thuận về việc xác nhận nguồn gốc hình thành tài sản của các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng do GPMB dự án Hệ thống đường nối từ trung tâm thành phố đi sân bay Đồng Hới tại phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị (đợt 9);

Căn cứ Công văn số 1704/UBND-KTHT&ĐT ngày 27/5/2026 của UBND phường Đồng Thuận về việc thống nhất phương án bồi thường bằng đất, giao đất ở, đất nông nghiệp trong cùng thửa đất để thực hiện GPMB dự án Hệ thống đường nối từ trung tâm thành phố đi sân bay Đồng Hới tại phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị (đối với hộ gia đình ông, bà Nguyễn Văn Hóa - Lê Thị Hoài Nam);

Căn cứ Công văn số 2063/UBND-KTHT&ĐT ngày 18/06/2026 của UBND phường Đồng Thuận về việc xác nhận nguồn gốc đất, nguồn gốc hình thành tài sản và đối tượng sản xuất nông nghiệp do GPMB dự án Hệ thống đường nối từ trung tâm thành phố đi sân bay Đồng Hới tại phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị;



Căn cứ Công văn số 578/KTHT&ĐT ngày 07/4/2026 của Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận về việc cung cấp phương án giá đất để lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi kèm theo Chứng thư định giá đất số 14/CT-BQL ngày 03/4/2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới; Công văn số 746/KTHT&ĐT ngày 16/06/2026 của Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận về việc cung cấp phương án giá đất để lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi kèm theo Chứng thư định giá đất số 23/CT-BQL ngày 12/06/2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới; Công văn số 756/KTHT&ĐT ngày 18/06/2026 của Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận về việc cung cấp phương án giá đất để lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi kèm theo Chứng thư định giá đất số 26/CT-BQL ngày 18/06/2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới;

Căn cứ Công văn số 500/KTHT&ĐT ngày 12/05/2026 của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận về việc xác định tài sản nhà kho, công trình xây dựng có một phần nằm trong phạm vi và một phần nằm ngoài phạm vi bị phá dỡ một phần mà phần còn lại không còn sử dụng được do không đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật hay vẫn tồn tại, tiếp tục sử dụng do GPMB thực hiện công trình Hệ thống đường nối từ trung tâm thành phố đi sân bay Đồng Hới; Công văn số 757/KTHT&ĐT ngày 18/06/2026 của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận về việc xác định tài sản nhà kho, công trình xây dựng có một phần nằm trong phạm vi và một phần nằm ngoài phạm vi bị phá dỡ một phần mà phần còn lại không còn sử dụng được do không đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật hay vẫn tồn tại, tiếp tục sử dụng do GPMB thực hiện công trình Hệ thống đường nối từ trung tâm thành phố đi sân bay Đồng Hới; Căn cứ Biên bản kiểm kê khối lượng bồi thường GPMB và các hồ sơ liên quan.

Căn cứ Công bố số 4422/CB-SXD ngày 05/6/2026 của Sở Xây dựng về giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình tháng 5 năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Biên bản làm việc ngày 06/5/2026 và ngày 18/6/2026 về việc xác định tài sản xây dựng có một phần nằm trong phạm vi và một phần nằm ngoài phạm vi thu hồi đất có đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật hay không để thực hiện bồi thường toàn bộ hoặc cho phép tồn tại, sử dụng khi thu hồi đất để GPMB thực hiện công trình Hệ thống đường nối từ trung tâm thành phố đi sân bay Đồng Hới tại phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Biên bản làm việc ngày 22/5/2026 về việc họp thông qua lô đất bồi thường bằng đất để GPMB thực hiện dự án Hệ thống đường nối từ trung tâm thành phố đi sân bay Đồng Hới tại phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị (Đối với ông, bà Nguyễn Văn Hóa - Lê Thị Hoài Nam);

Căn cứ Biên bản kiểm kê khối lượng bồi thường GPMB và các hồ sơ liên quan.

Để thực hiện đúng quy trình theo quy định tại điểm b khoản 9 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội, hoàn thiện phương án bồi thường đúng chính sách chế độ quy định hiện hành của Nhà nước, Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới thông báo công khai cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng về dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ do GPMB thực hiện dự án Hệ thống đường nối từ trung tâm thành phố đi sân bay Đồng Hới tại phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị (đợt 11). (có phương án dự thảo kèm theo)

Thời gian niêm yết công khai: Từ ngày 18/06/2026 đến hết ngày 27/06/2026.

Địa điểm niêm yết công khai: Tại trụ sở UBND phường Đồng Thuận, địa điểm sinh hoạt khu dân cư nơi có đất thu hồi, cổng thông tin điện tử của UBND phường Đồng Thuận và gửi trực tiếp đến đối tượng bị ảnh hưởng.

Các kiến nghị, đề xuất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng gửi trực tiếp cho Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới (gửi đồng chí Nguyễn Quang Huy – SĐT: 0837.95.7373 tại Trụ sở UBND phường Đồng Hới, địa chỉ: 88 Phạm Văn Đồng, phường Đồng Hới) chậm nhất đến ngày 27/06/2026. Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới sẽ tiến hành kiểm tra, hoàn thiện phương án bồi thường và trình Hội đồng thẩm định phê duyệt theo quy định.

Để việc bồi thường GPMB thực hiện dự án đúng tiến độ, kính đề nghị UBND phường Đồng Thuận quan tâm, phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổ trưởng TDP nơi có đất thu hồi; (p/h)
- Đối tượng bị ảnh hưởng;
- Lưu: GPMB, VT.



**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Thị Hương Giang





DỰ THẢO PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ DO GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG

Dự án: Hệ thống đường nối từ trung tâm thành phố đi sân bay Đồng Hới (đợt 11)

Địa điểm: Phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị

(Kèm theo Công văn số: 1076/BQL ngày 18 tháng 06 năm 2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới)

I. CÁC CĂN CỨ CHUNG:

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; Quyết định số 2418/QĐ-BNNMT ngày 28/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc đình chính Nghị định 151/NĐ-CP ngày 16/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc Quy định mức bồi thường khi nhà nước thu hồi đất mà gây thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản hoặc vật nuôi khác mà không thể di chuyển trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc Ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 26/02/2025 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình ban hành kèm theo Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/2024; Quyết định số 1803/QĐ-UBND ngày 03/10/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình và Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị (cũ) ban hành trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 11/02/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất; mức bồi thường chi phí di chuyển tài sản và mức bồi thường, hỗ trợ do phải di dời mồ mả trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/03/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 30/06/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư công trung hạn Ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 155/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Quảng Bình về việc thông qua danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị về quy định Bảng giá đất áp dụng từ ngày 01/01/2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Quyết định số 4561/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Bình về phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án Hệ thống đường nối từ trung tâm thành phố đi sân bay Đồng Hới; Quyết định số 766/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án Hệ thống đường nối từ trung tâm thành phố đi sân bay Đồng Hới;

Căn cứ Công văn số 212/UBND-NNMT ngày 19/1/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị và Công văn số 273/SNNMT-QLĐĐ ngày 14/1/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc áp dụng xác định giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Công văn số 532/UBND-NNMT ngày 09/2/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc triển khai công tác quản lý đất đai sau khi Chính phủ ban hành Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026;

Căn cứ Bảng thống kê kết quả đo đạc kèm theo chỉnh lý địa chính tờ BĐĐC số 25, 26, 27, 30, 31, 32, 33 xã Lộc Ninh, tỷ lệ 1:1000 do Trung tâm Phát triển Quỹ đất lập được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt ngày 18/10/2023; Bảng thống kê kết quả đo đạc kèm theo chỉnh lý địa chính tờ BĐĐC số 199, 208, 209, 210, 211 phường Đồng Thuận, tỷ lệ 1:1000 do Trung tâm Phát triển Quỹ đất lập được Sở Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt ngày 12/03/2026; Bảng thống kê kết quả đo đạc kèm theo chỉnh lý địa chính tờ BĐĐC số 199, 208, 209, 210, 211 phường Đồng Thuận, tỷ lệ 1:1000 do Trung tâm Phát triển Quỹ đất lập được Sở Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt ngày 15/05/2026; Bảng thống kê kết quả đo đạc kèm theo chỉnh lý địa chính tờ BĐĐC số 199, 210 phường Đồng Thuận, tỷ lệ 1:500 do Trung tâm Phát triển Quỹ đất lập được Sở Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt ngày 21/05/2026;

Căn cứ Quyết định số 1049/QĐ-UBND ngày 15/6/2026 của UBND phường Đồng Thuận về việc phê duyệt Điều chỉnh các lô đất quy hoạch ký hiệu TĐC-1.07, TĐC-1.08, TĐC-1.09 và TĐC-4.09 thuộc đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết cục bộ các lô đất có ký hiệu TĐC1, TĐC2, TĐC3, TĐC4, OHT-03, OHT-04 trong đồ án quy hoạch chi tiết Trung tâm thể dục thể thao tỉnh Quảng Bình, tỷ lệ 1/500;

Căn cứ Thông báo số 170/TB-UBND ngày 05/9/2025 của UBND phường Đồng Thuận về Thu hồi đất để thực hiện dự án Hệ thống đường nối từ trung tâm thành phố đi sân bay Đồng Hới tại phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị (đợt 7); Thông báo số 238/TB-UBND ngày 16/10/2025 của UBND phường Đồng Thuận về Thu hồi đất để thực hiện dự án Hệ thống đường nối từ trung tâm thành phố đi sân bay Đồng Hới tại phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị (đợt 8);

Căn cứ Thông báo số 809/TB-UBND ngày 23/03/2026 của UBND phường Đồng Thuận về việc điều chỉnh danh sách kèm theo Thông báo số 238/TB-UBND ngày 16/10/2025 của UBND phường Đồng Thuận về Thu hồi đất để thực hiện dự án Hệ thống đường nối từ trung tâm thành phố đi sân bay Đồng Hới tại phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị (đợt 8); Thông báo số 1671/TB-UBND ngày 26/05/2026 của UBND phường Đồng Thuận về việc điều chỉnh danh sách kèm theo Thông báo số 238/TB-UBND ngày 16/10/2025 của UBND phường Đồng Thuận về Thu hồi đất để thực hiện dự án Hệ thống đường nối từ trung tâm thành phố đi sân bay Đồng Hới tại phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị (đợt 8); Thông báo số 1728/TB-UBND ngày 28/05/2026 của UBND phường Đồng Thuận về việc điều chỉnh danh sách kèm theo Thông báo số 238/TB-UBND ngày 16/10/2025 của UBND phường Đồng Thuận về Thu hồi đất để thực hiện dự án Hệ thống đường nối từ trung tâm thành phố đi sân bay Đồng Hới tại phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị (đợt 8);

Căn cứ Công văn số 385/UBND-KTHT&ĐT ngày 31/8/2025 của UBND phường Đồng Thuận về việc xác nhận nguồn gốc, sai khác số tờ, số thửa, tăng giảm diện tích sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng do GPMB thuộc dự án Hệ thống đường nối từ trung tâm thành phố đi sân bay Đồng Hới; Công văn số 1049/UBND-KTHT&ĐT ngày 11/5/2026 của UBND phường Đồng Thuận về việc phúc đáp nguồn gốc, sai khác số tờ, số thửa, tăng giảm diện tích sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng do GPMB thực hiện dự án Hệ thống đường nối từ trung tâm thành phố đi sân bay Đồng Hới tại phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị; Công văn số 1461/UBND-KTHT&ĐT ngày 11/5/2026 của UBND phường Đồng Thuận về việc xác nhận nguồn gốc, sai khác số tờ, số thửa, tăng giảm diện tích sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng do GPMB thuộc dự án Hệ thống đường nối từ trung tâm thành phố đi sân bay Đồng Hới;

Căn cứ Công văn số 1446/UBND-KTHT&ĐT ngày 11/05/2026 của UBND phường Đồng Thuận về việc xác nhận nguồn gốc hình thành tài sản của các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng do GPMB dự án Hệ thống đường nối từ trung tâm thành phố đi sân bay Đồng Hới tại phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị (đợt 9);

Căn cứ Công văn số 1704/UBND-KTHT&ĐT ngày 27/5/2026 của UBND phường Đồng Thuận về việc thống nhất phương án bồi thường bằng đất, giao đất ở, đất nông nghiệp trong cùng thửa đất để thực hiện GPMB dự án Hệ thống đường nối từ trung tâm thành phố đi sân bay Đồng Hới tại phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị (đối với hộ gia đình ông, bà Nguyễn Văn Hóa - Lê Thị Hoài Nam);

Căn cứ Công văn số 2063/UBND-KTHT&ĐT ngày 18/06/2026 của UBND phường Đồng Thuận về việc xác nhận nguồn gốc đất, nguồn gốc hình thành tài sản và đối tượng sản xuất nông nghiệp do GPMB dự án Hệ thống đường nối từ trung tâm thành phố đi sân bay Đồng Hới tại phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Công văn số 578/KTHT&ĐT ngày 07/4/2026 của Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận về việc cung cấp phương án giá đất để lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi kèm theo Chứng thư định giá đất số 14/CT-BQL ngày 03/4/2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới; Công văn số 746/KTHT&ĐT ngày 16/06/2026 của Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận về việc cung cấp phương án giá đất để lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi kèm theo Chứng thư định giá đất số 23/CT-BQL ngày 12/06/2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới; Công văn số 756/KTHT&ĐT ngày 18/06/2026 của Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận về việc cung cấp phương án giá đất để lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi kèm theo Chứng thư định giá đất số 26/CT-BQL ngày 18/06/2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới;

Căn cứ Công văn số 500/KTHT&ĐT ngày 12/05/2026 của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận về việc xác định tài sản nhà kho, công trình xây dựng có một phần nằm trong phạm vi và một phần nằm ngoài phạm vi bị phá dỡ một phần mà phần còn lại không còn sử dụng được do không đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật hay vẫn tồn tại, tiếp tục sử dụng do GPMB thực hiện công trình Hệ thống đường nối từ trung tâm thành phố đi sân bay Đồng Hới; Công văn số 757/KTHT&ĐT ngày 18/06/2026 của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận về việc xác định tài sản nhà kho, công trình xây dựng có một phần nằm trong phạm vi và một phần nằm ngoài phạm vi bị phá dỡ một phần mà phần còn lại không còn sử dụng được do không đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật hay vẫn tồn tại, tiếp tục sử dụng do GPMB thực hiện công trình Hệ thống đường nối từ trung tâm thành phố đi sân bay Đồng Hới;

Căn cứ Công bố số 4422/CB-SXD ngày 05/6/2026 của Sở Xây dựng về giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình tháng 5 năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Biên bản làm việc ngày 06/5/2026 và ngày 18/6/2026 về việc xác định tài sản xây dựng có một phần nằm trong phạm vi và một phần nằm ngoài phạm vi thu hồi đất có đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật hay không để thực hiện bồi thường toàn bộ hoặc cho phép tồn tại, sử dụng khi thu hồi đất để GPMB thực hiện công trình Hệ thống đường nối từ trung tâm thành phố đi sân bay Đồng Hới tại phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Biên bản làm việc ngày 22/5/2026 về việc họp thông qua lô đất bồi thường bằng đất để GPMB thực hiện dự án Hệ thống đường nối từ trung tâm thành phố đi sân bay Đồng Hới tại phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị (Đối với ông, bà Nguyễn Văn Hóa - Lê Thị Hoài Nam);

Căn cứ Biên bản kiểm kê khối lượng bồi thường GPMB và các hồ sơ liên quan.

II. NỘI DUNG:

a) Tổng diện tích đất thu hồi:

806,3 m²

Trong đó:

- Diện tích đất hộ gia đình sử dụng nằm trong phạm vi quy hoạch:

751,1 m²

+ Đất trồng cây lâu năm (CLN):

626,2 m²

+ Đất ở đô thị (ODT):

124,9 m²

- Diện tích đất tổ chức quản lý thuộc phạm vi quy hoạch:

55,2 m²

+ Đất giao thông (DGT):

50,2 m²

+ Đất thủy lợi (DTL):

5,0 m²

b) Tổng số người có đất bị thu hồi: 19 tổ chức bị ảnh hưởng.

c) Phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Không.

d) Phương án bố trí tái định cư:

- 01 hộ gia đình bố trí bồi thường bằng đất: ông, bà Nguyễn Văn Hóa – Lê Thị Hoài Nam

- Vị trí bố trí bồi thường bằng đất ở: tại khu điều chỉnh Quy hoạch chi tiết cục bộ các lô đất có ký hiệu TĐC1, TĐC2, TĐC3, TĐC4, OHT-03, OHT-04 trong đồ án quy hoạch chi tiết Trung tâm thể dục thể thao tỉnh Quảng Bình, tỷ lệ 1/500.

- Hình thức: Bồi thường bằng đất ở.

đ) Phương án di dời mồ mả trong phạm vi đất thu hồi: Không.

e) Phương án di chuyển các công trình hạ tầng trong phạm vi đất thu hồi: Không.

g) Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất: 8.426.304.300 đồng

Trong đó:

+ Bồi thường về đất: 6.094.888.000 đồng

+ Bồi thường tài sản trên đất: 2.129.768.100 đồng

+ Các khoản hỗ trợ: 201.648.200 đồng

h) Tiến độ thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

- Thời gian thực hiện chi trả tiền: Sau khi có Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của UBND phường Đồng Thuận.

- Thời gian bàn giao mặt bằng: Trong thời gian 20 ngày kể từ ngày Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất thành phố thông báo chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ lần đầu.

i) Phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với từng người có đất bị thu hồi, chủ sở hữu tài sản:

1. Bà: Trần Thị Diệu (đã chết), CCCD số: 044150005377 và những người thừa kế theo pháp luật của bà Trần Thị Diệu

- Địa chỉ: Tổ dân phố 10 Hữu Cung - Phường Đồng Thuận

- Số điện thoại liên hệ: 0919 452 189 - 0813 666 079

1.1. Phương án bồi thường, hỗ trợ:

1.1. Phương án bồi thường, hỗ trợ.

TT	Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
	CỘNG:	Làm tròn số (đến hàng trăm đồng)				495.836.000	164.009.300	5.311.000	665.156.300	
A	Bồi thường về đất					495.836.000				
	Căn cứ theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95; khoản 1 Điều 96 Luật Đất đai 2024									
-	Đất trồng cây lâu năm (CLN), thửa số 53(1), TĐĐ 27, vị trí 1, phường Đồng Thuận	m ²	76,4	6.490.000		495.836.000				Đường Võ Xuân Cẩn, tiếp giáp hai mặt tiền

(Chữ ký)

TT	Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
	Nguồn gốc sử dụng đất: Thửa đất thu hồi thuộc thửa đất số 88, tờ bản đồ số 20, được UBND Thị Xã Đồng Hới cấp Giấy CNQSD đất ngày 09/9/1991 cho bà Trần Thị Diệu, phần diện tích thu hồi 76,4m ² là sai số đo đạc qua các lần đo đạc bản đồ, được xác nhận tại Công văn số 2063/UBND-KTHT&ĐT ngày 18/06/2026 của UBND phường Đồng Thuận									
	Đơn giá bồi thường đất được Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận cung cấp phương án giá đất tại Công văn số 746/KTHT&ĐT ngày 16/06/2026 kèm theo Chứng thư định giá đất số 23/CT-BQL ngày 12/06/2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới									
B	Bồi thường tài sản trên đất						164.009.320			
*	Tài sản tạo lập năm 2010, 2013 và 2015, phục vụ đời sống, bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 102 và Điều 103 Luật Đất đai 2024									
-	Tường rào móng xây gạch, đá; tường xây gạch; trụ, giằng BTCT. Chiều cao 1,5m, trên gắn lưới B40 cao 1m KT= 1,5 x 40 Đơn giá: 1.190.000đ + 51.000đ (chiều cao tường vượt quy định 0,1m)	m ²	60,00	1.241.000			74.460.000			Phụ lục I - Mục B - VI - 19.20, QĐ23/2026
+	lưới B40 cọc sắt cao 1m trên tường rào	m	17,00	149.000			2.533.000			Phụ lục I - Mục B - VI - 19.5, QĐ23/2026
-	Trụ cổng đổ BTCT, tô trát hoàn chỉnh KT= 0,5 x 0,5 x 3,3 x 2 trụ	m ³	1,65	8.533.000			14.079.450			Phụ lục I - Mục B - VI - 2, QĐ23/2026
-	Cửa cổng sắt hộp kẽm không có ray kéo KT= 2,4 x 2,3	m ²	5,52	1.076.000			5.939.520			Phụ lục I - Mục B - IV - 8, QĐ23/2026
-	Mái che lợp tôn, khung vì kèo sắt hộp kẽm, trụ sắt ống kẽm, nền láng bê tông xi măng KT: 17,5 x 4,5 = 78,75 Trong đó: + Trong phạm vi. KT: 17,5 x 2,6 = 45,50 + Ngoài phạm vi. KT: 17,5 x 1,9 = 33,25	m ²	78,75	771.000			60.716.250			Phụ lục I - Mục B - VI - 45.13, QĐ23/2026

(Chữ ký và dấu)

TT	Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
	Bồi thường toàn bộ tài sản đối với phần trong phạm vi và phần ngoài phạm vi thu hồi. (Căn cứ Công văn số 750/KTHT&ĐT ngày 22/12/2025 của Phòng KTHT&ĐT phường Đồng Thuận và Biên bản làm việc ngày 02/12/2025)									
-	Sung Ø30cm	cây	1,00	179.200			179.200			Mục 2.F - PL.1, QĐ12/2025
-	Mưng Ø20cm	cây	2,00	1.090.000			2.180.000			Mục 6.F - PL.1, QĐ12/2025
-	Mưng Ø3cm	cây	3,00	85.000			255.000			Mục 6.F - PL.1, QĐ12/2025
-	Sanh Ø5cm	cây	1,00	42.500			42.500			Mục 6.F - PL.1, QĐ12/2025
-	Mưng Ø>30cm	cây	1,00	2.740.000			2.740.000			Mục 6.F - PL.1, QĐ12/2025
-	Xoan Ø15cm	cây	5,00	34.000			170.000			Mục 2.D - PL.1, QĐ12/2025
-	Me trồng 8 năm (áp giá tương tự cây tại mục 2.B-PL1 QĐ 12/2025)	cây	1,00	714.400			714.400			Mục 16.B - PL.1, QĐ12/2025
C	Các khoản hỗ trợ							5.311.000		
C.1	Hỗ trợ tài sản trên đất									
	Tài sản trên đất DGT thửa 405(1), TĐĐ 31									
*	Tài sản tạo trên đất không đủ điều kiện bồi thường về đất trước thời điểm Thông báo thu hồi đất nhưng tại thời điểm tạo lập không bị lập biên bản xử lý vi phạm hành chính. Mức hỗ trợ bằng 100% mức bồi thường theo quy định tại khoản 10 Điều 15 của Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/06/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị									
-	Mưng Ø20cm	cây	2,00	1.090.000	100%			2.180.000		Mục 6.F - PL.1, QĐ12/2025
-	Mưng Ø>30cm	cây	1,00	2.740.000	100%			2.740.000		Mục 6.F - PL.1, QĐ12/2025
C.2	Hỗ trợ về đất									

TT	Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Hỗ trợ làm thủ tục chính lý giấy CNQSD đất (Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 15, QĐ 30/2026/QĐ-UBND). Đơn giá được quy định tại Nghị quyết số 97/2025/NQ-HĐND ngày 26/06/2025 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Công văn số 433/VPĐKĐĐ-KHTC ngày 10/09/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai. Cụ thể: 30.000đ/lệ phí + 210.000đ/phí + 151.000đ/giá dịch vụ công = 391.000đ	giấy	1,00	391.000				391.000		

2. Bà: Đinh Thị Mỹ, CCCD số: 044158004838

- Địa chỉ: Thôn Mỹ Duyệt - Xã Cam Hồng

- Số điện thoại liên hệ: 0933 891 011

2.1. Phương án bồi thường, hỗ trợ:

TT	Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
	CỘNG:	Làm tròn số (đến hàng trăm đồng)				15.576.000	0	391.000	15.967.000	
A	Bồi thường về đất					15.576.000				
	Căn cứ theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95; khoản 1 Điều 96 Luật Đất đai 2024									
-	Đất trồng cây lâu năm (CLN), thửa số 864(1), TĐĐ 30, vị trí 1, phường Đồng Thuận	m ²	2,4	6.490.000		15.576.000				Đường Võ Xuân Cẩn, tiếp giáp hai mặt tiền
	Nguồn gốc sử dụng đất: Thửa đất thu hồi thuộc thửa đất số 864, tờ bản đồ số 30, được Sở TN&MT tỉnh Quảng Bình cấp Giấy CNQSD đất ngày 04/11/2020 cho bà Đinh Thị Mỹ, phần diện tích thu hồi 2,4m ² thuộc GCNQSD đất đã cấp, được xác nhận tại Công văn số 2063/UBND-KTHT&ĐT ngày 18/06/2026 của UBND phường Đồng Thuận									
	Đơn giá bồi thường đất được Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận cung cấp phương án giá đất tại Công văn số 746/KTHT&ĐT ngày 16/06/2026 kèm theo Chứng thư định giá đất số 23/CT-BQL ngày 12/06/2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới									

(Chữ ký và dấu)

TT	Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
B	Bồi thường tài sản trên đất						0			
-	Hiện trạng không có tài sản									
C	Các khoản hỗ trợ							391.000		
-	Hỗ trợ làm thủ tục chính lý giấy CNQSD đất (Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 15, QĐ 30/2026/QĐ-UBND). Đơn giá được quy định tại Nghị quyết số 97/2025/NQ-HĐND ngày 26/06/2025 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Công văn số 433/VPĐKĐĐ-KHTC ngày 10/09/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai. Cụ thể: 30.000đ/lệ phí + 210.000đ/phí + 151.000đ/giá dịch vụ công = 391.000đ	giấy	1,00	391.000				391.000		

3. Bà: Ngô Thị Nam (đã chết), CCCD số: 044156006512 và những người thừa kế theo pháp luật của bà Ngô Thị Nam

- Địa chỉ: 53 Võ Xuân Cẩn - Tổ dân phố 9 Hữu Cung - Phường Đồng Thuận

- Số điện thoại liên hệ: 0867 450 926 - 0984 070 123

3.1. Phương án bồi thường, hỗ trợ:

3.1. Phương án bồi thường, hỗ trợ:

TT	Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
	CỘNG:	Làm tròn số (đến hàng trăm đồng)				1.456.000	0	81.670.000	83.126.000	
A	Bồi thường về đất					1.456.000				
	Căn cứ theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95; khoản 1 Điều 96 Luật Đất đai 2024									
-	Đất trồng cây lâu năm (CLN), thửa số 12(1), TĐĐ 31, vị trí 1, phường Đồng Thuận	m²	26,0	56.000		1.456.000				Đồng bằng

TT	Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
	Nguồn gốc sử dụng đất: Đất được sử dụng từ năm 1998, đến năm 2013 thì được gia đình bà Nam xây dựng làm nhà ở; các công trình phục vụ đời sống và trồng cây lâu năm, sử dụng ổn định đến nay. Phần diện tích thu hồi 26,0m ² có mục đích sử dụng đất là đất trồng cây lâu năm (không phải là đất CLN trong cùng thửa đất có đất ở) đã được UBND phường Đồng Thuận xác nhận tại 2063/UBND-KTHT&ĐT ngày 18/06/2026 của UBND phường Đồng Thuận									
	Đơn giá bồi thường đất được Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận cung cấp phương án giá đất tại Công văn số 746/KTHT&ĐT ngày 16/06/2026 kèm theo Chứng thư định giá đất số 23/CT-BQL ngày 12/06/2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới									
B	Bồi thường tài sản trên đất						0			
C	Các khoản hỗ trợ							81.669.960		
C.1	Hỗ trợ tài sản trên đất									
	Tài sản trên đất CLN thửa 12(1), TĐĐ 31									
*	Tài sản tạo lập năm 2013, phục vụ đời sống. Mức hỗ trợ bằng 80% mức bồi thường theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 15 của Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/06/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị									
-	Tường rào móng xây gạch, đá; tường xây gạch; trụ, giằng BTCT trên hàn sắt chông nhọn. Chiều cao 1,7m KT= 1,7 x 8 Đơn giá: 1.421.000đ + 51.000đ x 3 (chiều cao tường vượt quy định 0,3m)	m ²	13,60	1.574.000	80%			17.125.120		Phụ lục I - Mục B - VI - 19.19, QĐ23/2026
-	Trụ cổng BTCT tô trát hoàn chỉnh (trụ cổng chính) KT= 0,5 x 0,5 x 3,0 x 2 trụ	m ³	1,50	8.533.000	80%			10.239.600		Phụ lục I - Mục B - VI - 2, QĐ23/2026
-	Cửa cổng sắt hộp kẽm (cửa cổng chính) KT= 2,8 x 2,0	m ²	5,60	1.076.000	80%			4.820.480		Phụ lục I - Mục B - IV - 8, QĐ23/2026
-	Trụ cổng BTCT (trụ cổng phụ) KT= 0,5 x 0,5 x 3,6 x 2 trụ	m ³	1,80	8.533.000	80%			12.287.520		Phụ lục I - Mục B - VI - 2, QĐ23/2026

Chữ ký và dấu

TT	Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Cửa cổng sắt hộp kẽm (cửa cổng phụ) KT= 2,5 x 3,0	m ²	7,50	1.076.000	80%			6.456.000		Phụ lục I - Mục B - IV - 8, QĐ23/2026
-	Sân bê tông xi măng KT= 4,0 x 2,6	m ²	10,40	211.000	80%			1.755.520		Phụ lục I - Mục B - VI - 18.1, QĐ23/2026
-	Mái che lợp tôn, khung vì kèo sắt hộp kẽm, trụ BTCT, nền láng bê tông xi măng trên lát gạch men 500x500 KT: 5,4 x 11= 59,40m ² Trong đó: + Trong phạm vi. KT: (2,3 + 2,5)/2 x 5,4= 12,96m ² + Ngoài phạm vi. KT: (8,7 + 8,5)/2 x 5,4= 46,44m ² * Hội đồng thống nhất bồi thường đến nhíp trụ BTCT KT: 5,4 x 4,4= 23,76m ²	m ²	23,76	771.000	80%			14.655.168		Phụ lục I - Mục B - VI - 45.13, QĐ23/2026
+	Nền lát gạch men 500x500 tính thêm KT= 5,4 x 4,4	m ²	23,76	344.000	80%			6.538.752		Phụ lục I - Mục B - II - 8.2, QĐ23/2026
	<i>Bồi thường một phần mái che đối với phần trong phạm vi và phần ngoài phạm vi đến phần nhíp trụ BTCT, phần còn lại ngoài phạm vi thu hồi đủ điều kiện tiêu chuẩn kỹ thuật để tiếp tục tồn tại. (Căn cứ Công văn số 750/KTHT&ĐT ngày 22/12/2025 của Phòng KTHT&ĐT phường Đồng Thuận và Biên bản làm việc ngày 02/12/2025)</i>									
*	<i>Tài sản tạo trên đất không đủ điều kiện bồi thường về đất trước thời điểm Thông báo thu hồi đất nhưng tại thời điểm tạo lập không bị lập biên bản xử lý vi phạm hành chính. Mức hỗ trợ bằng 100% mức bồi thường theo quy định tại khoản 10 Điều 15 của Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/06/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị</i>									
-	Bơ trồng 2 năm	cây	1,00	366.200	100%			366.200		Mục 17.B - PL.1, QĐ12/2025
C.2	Hỗ trợ về đất									

TT	Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 108 của Luật Đất đai 2024; khoản 3 Điều 20, NĐ 88/2024/NĐ-CP và khoản 4, Điều 11, QĐ 30/2026/QĐ-UBND. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Quyết định số 12/2025/NQ-HĐND. Mức hỗ trợ không vượt quá 50.000.000đ. Cụ thể: $56.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 10\% = 5.600\text{đ}/\text{m}^2$	m ²	26,0	5.600				145.600		
-	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm quy định tại Điều 22, NĐ 88/2024/NĐ-CP và Khoản 1, Điều 13, QĐ 30/2026/QĐ-UBND. Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Quyết định số 12/2025/NQ-HĐND. Cụ thể: $56.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 5 \text{ lần} = 280.000\text{đ}/\text{m}^2$	m ²	26,0	280.000				7.280.000		

4. Ông: Nguyễn Văn Phúc, CCCD số: 044073006522 và bà: Trần Thị Việt, CCCD số: 044175001693

- Địa chỉ: 69 Võ Xuân Cẩn - Tổ dân phố 9 Hữu Cung -

- Phường Đồng Thuận

- Số điện thoại liên hệ: 0387 226 466

4.1. Phương án bồi thường, hỗ trợ:

TT	Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
	CỘNG:	Làm tròn số (đến hàng trăm đồng)				297.360.000	120.725.600	4.191.500	422.277.100	
A	Bồi thường về đất					297.360.000				
	Căn cứ theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95; khoản 1 Điều 96 Luật Đất đai 2024									
-	Đất trồng cây lâu năm (CLN), thửa số 223-1, TĐĐ 209, vị trí 1, phường Đồng Thuận	m ²	50,4	5.900.000		297.360.000				Đường Võ Xuân Cẩn, một mặt tiền

(Chữ ký và dấu)

TT	Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
	Nguồn gốc sử dụng đất: Thửa đất thu hồi thuộc thửa đất số 223, tờ bản đồ số 31, được VPĐKĐĐ tỉnh Quảng Bình cấp Giấy CNQSD đất ngày 20/12/2024 cho ông, bà Nguyễn Văn Phúc - Trần Thị Việt; phần diện tích thu hồi 50,4m ² thuộc GCNQSD đất đã cấp, được xác nhận tại Công văn số 2063/UBND-KTHT&ĐT ngày 18/06/2026 của UBND phường Đồng Thuận									
	Đơn giá bồi thường đất được Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận cung cấp phương án giá đất tại Công văn số 746/KTHT&ĐT ngày 16/06/2026 kèm theo Chứng thư định giá đất số 23/CT-BQL ngày 12/06/2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới									
B	Bồi thường tài sản trên đất						120.725.580			
*	Tài sản tạo lập năm 1997, 1998 và 2000, phục vụ đời sống, bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 102 và Điều 103 Luật Đất đai 2024									
-	Tường rào móng xây gạch, đá; tường xây gạch; trụ, giằng BTCT. Chiều cao 1,7m KT= 1,7 x 20 Đơn giá: 1.190.000đ + 51.000đ x 3 (chiều cao tường vượt quy định 0,3m)	m ²	34,00	1.343.000			45.662.000			Phụ lục I - Mục B - VI - 19.20, QĐ23/2026
-	Trụ cổng đồ BTCT, tô trát hoàn chỉnh KT= 0,5 x 0,5 x 3,5 x 2 trụ	m ³	1,75	8.533.000			14.932.750			Phụ lục I - Mục B - VI - 2, QĐ23/2026
-	Cửa cổng sắt hộp kẽm KT= 2,1 x 5,5	m ²	11,55	1.076.000			12.427.800			Phụ lục I - Mục B - IV - 8, QĐ23/2026
-	Mái che lợp fibro, khung sắt, trụ BTCT, nền bê tông láng xi măng KT= 2,3 x 5,1	m ²	11,73	771.000			9.043.830			Phụ lục I - Mục B - VI - 45.13, QĐ23/2026
-	Sân bê tông xi măng KT= 4,0 x 4,0	m ²	16,00	211.000			3.376.000			Phụ lục I - Mục B - VI - 18.1, QĐ23/2026
-	Nhà quán móng xây gạch đá, tường xây tô trát hoàn chỉnh, mái lợp fibro, cửa gỗ đơn giản, nền láng xi măng. Nhà cao 2,7m KT= 2,5 x 3,3	m ²	8,25	1.566.000			12.919.500			Phụ lục I - Mục A - II - 2, QĐ23/2026

TT	Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Chanh trồng 4 năm	cây	3,00	952.500			2.857.500			Mục 2.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Bơ trồng 4 năm	cây	2,00	4.455.200			8.910.400			Mục 17.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Mãng cầu trồng 6 năm	cây	2,00	206.700			413.400			Mục 11.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Huê Φ15cm	cây	2,00	157.900			315.800			Mục 8.D - PL.1, QĐ12/2025
-	Mai Φ5cm	cây	1,00	685.600			685.600			Mục 2.F - PL.1, QĐ12/2025
-	Mai Φ10cm	cây	1,00	2.742.400			2.742.400			Mục 4.F - PL.1, QĐ12/2025
-	Sanh Φ10cm	cây	1,00	270.000			270.000			Mục 6.F - PL.1, QĐ12/2025
-	Sanh Φ20cm	cây	3,00	545.000			1.635.000			Mục 6.F - PL.1, QĐ12/2025
-	Mưng Φ20cm	cây	3,00	1.090.000			3.270.000			Mục 6.F - PL.1, QĐ12/2025
-	Cau cảnh bụi >3 cây cao >25m	bụi	3,00	354.700			1.064.100			Mục 7.F - PL.1, QĐ12/2025
-	Chuối chưa có buồng	cây	3,00	66.500			199.500			Mục 4.B - PL.1, QĐ12/2025
C	Các khoản hỗ trợ							4.191.480		
C.1	Hỗ trợ tài sản trên đất									
	Tài sản trên đất DGT thửa 223-2, TBD 209									
*	Tài sản tạo lập năm 2000, phục vụ đời sống. Mức hỗ trợ bằng 80% mức bồi thường theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 15 của Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/06/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị									
-	Sân bê tông xi măng KT= 0,6 x 16	m ²	9,60	211.000	80%			1.620.480		Phụ lục I - Mục B - VI - 18.1, QĐ23/2026

TT	Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
*	Tài sản tạo trên đất không đủ điều kiện bồi thường về đất trước thời điểm Thông báo thu hồi đất nhưng tại thời điểm tạo lập không bị lập biên bản xử lý vi phạm hành chính. Mức hỗ trợ bằng 100% mức bồi thường theo quy định tại khoản 10 Điều 15 của Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/06/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị									
-	Mưng Ø20cm	cây	2,00	1.090.000	100%			2.180.000		Mục 6.F - PL.1, QĐ12/2025
C.2	Hỗ trợ về đất									
-	Hỗ trợ làm thủ tục chính lý giấy CNQSD đất (Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 15, QĐ 30/2026/QĐ-UBND). Đơn giá được quy định tại Nghị quyết số 97/2025/NQ-HĐND ngày 26/06/2025 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Công văn số 433/VPĐKĐĐ-KHTC ngày 10/09/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai. Cụ thể: 30.000đ/lệ phí + 210.000đ/phí + 151.000đ/giá dịch vụ công = 391.000đ	giấy	1,00	391.000				391.000		

5. Ông: Nguyễn Hữu Bồng, CCCD số: 044071006337 và Bà: Ngô Thị Thanh, CCCD số: 044176001110

- Địa chỉ: 109 Võ Xuân Cẩn - Tổ dân phố 10 Hữu Cung - Phường Đồng Thuận

- Số điện thoại liên hệ: 0919 837 928

5.1. Phương án bồi thường, hỗ trợ:

3.1. Phương án bồi thường, hỗ trợ:

TT	Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
	CỘNG:	Làm tròn số (đến hàng trăm đồng)				186.263.000	22.758.700	0	209.021.700	
A	Bồi thường về đất					186.263.000				
	Căn cứ theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95; khoản 1 Điều 96 Luật Đất đai 2024									
-	Đất trồng cây lâu năm (CLN), thửa số 383-1, TĐĐ 209, vị trí 1, phường Đồng Thuận	m ²	28,7	6.490.000		186.263.000				Đường Võ Xuân Cẩn, tiếp giáp hai mặt tiền

TT	Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
	Nguồn gốc sử dụng đất: Sử dụng đất ổn định vào mục đích làm nhà ở từ năm 1998 đến 2004 thì bị thu hồi một phần thửa đất (tài sản trên phần đất thu hồi có công trình nhà ở cấp 4) để GPMB thực hiện dự án Xây dựng sân bay Đồng Hới theo Quyết định số 2025/QĐ-UBND ngày 13/7/2004. Phần diện tích thu hồi 28,7m ² có mục đích sử dụng đất là đất trồng cây lâu năm trong cùng thửa đất có đất ở và đã xác nhận tại Công văn số 2063/UBND-KTHT&ĐT ngày 18/06/2026 của UBND phường Đồng Thuận									
	Đơn giá bồi thường đất được Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận cung cấp phương án giá đất tại Công văn số 746/KTHT&ĐT ngày 16/06/2026 kèm theo Chứng thư định giá đất số 23/CT-BQL ngày 12/06/2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới									
B	Bồi thường tài sản trên đất						22.758.680			
*	Tài sản tạo lập năm 2000, phục vụ đời sống, bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 102 và Điều 103 Luật Đất đai 2024									
-	Kè móng xây gạch chỉ KT= 0,4 x 0,6 x 17,0	m ³	4,08	2.156.000			8.796.480			Phụ lục I - Mục B - VI - 10, QĐ23/2026
-	Mãng cầu trồng 5 năm	cây	4,00	206.700			826.800			Mục 11.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Chuối có buồng	cây	2,00	117.100			234.200			Mục 4.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Chuối chưa có buồng	cây	2,00	66.500			133.000			Mục 4.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Bơ trồng 3 năm	cây	1,00	4.455.200			4.455.200			Mục 17.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Bạch đàn Φ>40cm	cây	3,00	1.264.000			3.792.000			Mục 4.C - PL.1, QĐ12/2025
-	Mai Φ3-5cm	cây	3,00	137.000			411.000			Mục 4.F - PL.1, QĐ12/2025
-	Bồ đề Φ35-40cm	cây	3,00	1.370.000			4.110.000			Mục 6.F - PL.1, QĐ12/2025
C	Các khoản hỗ trợ							0		

6. Ông: Ngô Dũng, CCCD số: 046072000249 và Bà: Phạm Thị Dinh, CCCD số: 044176009625

- Địa chỉ: Tổ dân phố 9 Hữu Cung - Phường Đồng Thuận

- Số điện thoại liên hệ: 0919 837 928

6.1. Phương án bồi thường, hỗ trợ:

6.1. Phường an bồi thường, hỗ trợ.

TT	Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
	CỘNG:	Làm tròn số (đến hàng trăm đồng)				279.070.000	1.104.500	0	280.174.500	
A	Bồi thường về đất					279.070.000				
	Căn cứ theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95; khoản 1 Điều 96 Luật Đất đai 2024									
-	Đất trồng cây lâu năm (CLN), thửa số 662-1, TĐĐ 209, vị trí 1, phường Đồng Thuận	m²	47,3	5.900.000		279.070.000				Đường Võ Xuân Cẩn, một mặt tiền
	Nguồn gốc sử dụng đất: Sử dụng đất ổn định vào mục đích làm nhà ở từ năm 1998 đến 2004 thì bị thu hồi một phần thửa đất (tài sản trên phần đất thu hồi có công trình nhà ở cấp 4) để GPMB thực hiện dự án Xây dựng sân bay Đồng Hới theo Quyết định số 2025/QĐ-UBND ngày 13/7/2004. Phần diện tích thu hồi 47,3m² có mục đích sử dụng đất là đất trồng cây lâu năm trong cùng thửa đất có đất ở và đã xác nhận tại Công văn số 2063/UBND-KTHT&ĐT ngày 18/06/2026 của UBND phường Đồng Thuận									
	Đơn giá bồi thường đất được Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận cung cấp phương án giá đất tại Công văn số 746/KTHT&ĐT ngày 16/06/2026 kèm theo Chứng thư định giá đất số 23/CT-BQL ngày 12/06/2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới									
B	Bồi thường tài sản trên đất						1.104.500			
	Căn cứ theo quy định tại Điều 103 Luật Đất đai 2024									
-	Măng cầu trồng 6 năm	cây	3,00	206.700			620.100			Mục 11.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Bạch đàn Φ15cm	cây	2,00	34.000			68.000			Mục 2.D - PL.1, QĐ12/2025
-	Tre bụi > 40 Cây	bụi	1,00	363.300			363.300			Mục 5.E - PL.1, QĐ12/2025
-	Đào cảnh Φ5cm	cây	1,00	53.100			53.100			Mục 2.F - PL.1, QĐ12/2025
C	Các khoản hỗ trợ							0		

7. Ông: Đinh Văn Minh, CCCD số: 044064002109 và bà: Nguyễn Thị Hương, CCCD số: 044166007570

- Địa chỉ: 92 Võ Xuân Cẩn - Tổ dân phố 9 Hữu Cung - Phường Đồng Thuận

- Số điện thoại liên hệ: 0708 260 873

7.1. Phương án bồi thường, hỗ trợ:

TT	Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
	CỘNG:	Làm tròn số (đến hàng trăm đồng)				392.000	0	25.989.300	26.381.300	
A	Bồi thường về đất					392.000				
	Căn cứ theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95; khoản 1 Điều 96 Luật Đất đai 2024									
-	Đất trồng cây lâu năm (CLN), thửa số 824(1), TĐĐ 31, vị trí 1, phường Đồng Thuận	m²	7,0	56.000		392.000				Đồng bằng
	Nguồn gốc sử dụng đất: Được gia đình ông (bà) Đinh Văn Minh -Nguyễn Thị Hương chiếm đất giao thông của UBND phường đang quản lý để sử dụng vào mục đích làm nhà ở và trồng cây lâu năm từ năm 2010 sử dụng ổn định đến nay. Phần diện tích thu hồi 7,0m² có mục đích sử dụng đất là đất trồng cây lâu năm (không phải đất nông nghiệp trong cùng thửa đất có đất ở và đã được xác nhận tại Công văn số 2063/UBND-KTHT&ĐT ngày 18/06/2026 của UBND phường Đồng Thuận									
	Đơn giá bồi thường đất được Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận cung cấp phương án giá đất tại Công văn số 746/KTHT&ĐT ngày 16/06/2026 kèm theo Chứng thư định giá đất số 23/CT-BQL ngày 12/06/2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới									
B	Bồi thường tài sản trên đất						0			
C	Các khoản hỗ trợ							25.989.280		
C.1	Hỗ trợ tài sản trên đất									
	Tài sản trên đất CLN thửa 824(1), TĐĐ 31									
*	Tài sản tạo lập năm 2009, phục vụ đời sống. Mức hỗ trợ bằng 80% mức bồi thường theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 15 của Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/06/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị									
-	Trụ công BTCT tô trát hoàn chỉnh KT= 0,4 x 0,4 x 3,0 x 2 trụ	m³	0,96	8.533.000	80%			6.553.344		Phụ lục I - Mục B - VI - 2, QĐ23/2026

TT	Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Cửa cổng khung sắt ống kẽm KT= 1,7 x 1,8	m ²	3,06	1.182.000	80%			2.893.536		Phụ lục I - Mục B - IV - 9, QĐ23/2026
-	Mái che lợp tôn, khung sườn sắt, trụ sắt, nền bê tông láng xi măng KT: 4,0 x 3,5 = 14,00 Trong đó: + Trong phạm vi. KT: (2,0 + 2,1)/2 x 3,5 = 7,175 + Ngoài phạm vi. KT: (2,0 + 1,9)/2 x 3,5 = 6,825	m ²	14,00	771.000	80%			8.635.200		Phụ lục I - Mục B - VI - 45.13, QĐ23/2026
	<i>Bồi thường toàn bộ tài sản đối với phần trong phạm vi và phần ngoài phạm vi thu hồi. (Căn cứ Công văn số 750/KTHT&ĐT ngày 22/12/2025 của Phòng KTHT&ĐT phường Đồng Thuận và Biên bản làm việc ngày 02/12/2025)</i>									
-	Giếng khoan sâu <12m (khoan bằng máy), (địa hình đồng bằng)	cái	1,00	7.385.000	80%			5.908.000		Phụ lục I - Mục B - VI - 28.9, QĐ23/2026
C.2	Hỗ trợ về đất									
-	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 108 của Luật Đất đai 2024; khoản 3 Điều 20, NĐ 88/2024/NĐ-CP và khoản 4, Điều 11, QĐ 30/2026/QĐ-UBND. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Quyết định số 12/2025/NQ-HĐND. Mức hỗ trợ không vượt quá 50.000.000đ. Cụ thể: 56.000đ/m ² x 10% = 5.600đ/m ²	m ²	7,0	5.600				39.200		
-	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm quy định tại Điều 22, NĐ 88/2024/NĐ-CP và Khoản 1, Điều 13, QĐ 30/2026/QĐ-UBND. Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Quyết định số 12/2025/NQ-HĐND. Cụ thể: 56.000đ/m ² x 5 lần = 280.000đ/m ²	m ²	7,0	280.000				1.960.000		

8. Bà: Trương Thị Hồng Xuê, CCCD số: 044177002587; Chị gái: Trương Thị Châu (người đại diện), CCCD số: 044165008487

- Địa chỉ: Xã Quảng Ninh – tỉnh Quảng Trị

- Số điện thoại liên hệ: 0918 075 025

8.1. Phương án bồi thường, hỗ trợ:

TT	Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
	CỘNG:	Làm tròn số (đến hàng trăm đồng)				53.100.000	9.307.500	391.000	62.798.500	
A	Bồi thường về đất					53.100.000				
	Căn cứ theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95; khoản 1 Điều 96 Luật Đất đai 2024									
-	Đất trồng cây lâu năm (CLN), thửa số 212-1, TBĐ 210, vị trí 1, phường Đồng Thuận	m²	9,0	5.900.000		53.100.000				Đường Võ Xuân Cẩn, một mặt tiền
	Nguồn gốc sử dụng đất: Thửa đất thu hồi thuộc thửa đất số 212, tờ bản đồ số 32, được Sở TN&MT tỉnh Quảng Bình cấp Giấy CNQSD đất ngày 24/02/2023 cho bà Trương Thị Hồng Xuê; phần diện tích thu hồi 9,0m² thuộc Giấy CNQSD đất đã cấp, được xác nhận tại Công văn số 2063/UBND-KTHT&ĐT ngày 18/06/2026 của UBND phường Đồng Thuận									
	Đơn giá bồi thường đất được Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận cung cấp phương án giá đất tại Công văn số 746/KTHT&ĐT ngày 16/06/2026 kèm theo Chứng thư định giá đất số 23/CT-BQL ngày 12/06/2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới									
B	Bồi thường tài sản trên đất						9.307.500			
*	Tài sản tạo lập năm 2017, phục vụ đời sống, bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 102 và Điều 103 Luật Đất đai 2024									
-	Tường rào móng xây gạch, đá; tường xây blo; trụ, giằng BTCT. Chiều cao 1,5m KT= 1,5 x 5 Đơn giá: 1.190.000đ + 51.000đ (chiều cao tường vượt quy định 0,1m)	m²	7,50	1.241.000			9.307.500			Phụ lục I - Mục B - VI - 19.20, QĐ23/2026
C	Các khoản hỗ trợ							391.000		

TT	Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Hỗ trợ làm thủ tục chỉnh lý giấy CNQSD đất (Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 15, QĐ 30/2026/QĐ-UBND). Đơn giá được quy định tại Nghị quyết số 97/2025/NQ-HĐND ngày 26/06/2025 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Công văn số 433/VPĐKĐĐ-KHTC ngày 10/09/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai. Cụ thể: 30.000đ/lệ phí + 210.000đ/phí + 151.000đ/giá dịch vụ công = 391.000đ	giấy	1,00	391.000				391.000		

9. Ông: Phan Thế Mỹ, CCCD số: 044075002741

Địa chỉ: 46 Võ Xuân Cẩn - Tổ dân phố 8 Phú Xá - Phường Đồng Thuận

Số điện thoại liên hệ: 0389 360 417

9.1. Phương án bồi thường, hỗ trợ:

TT	Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
	CỘNG:	Làm tròn số (đến hàng trăm đồng)				123.900.000	46.248.400	6.665.800	176.814.200	
A	Bồi thường về đất					123.900.000				
	Căn cứ theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95; khoản 1 Điều 96 Luật Đất đai 2024									
-	Đất trồng cây lâu năm (CLN), thửa số 553-1, TBĐ 210, vị trí 1, phường Đồng Thuận	m ²	21,0	5.900.000		123.900.000				Đường Võ Xuân Cẩn, một mặt tiền
	Nguồn gốc sử dụng đất: Thửa đất thu hồi thuộc thửa đất số 553, tờ bản đồ số 32, được UBND TP Đồng Hới cấp Giấy CNQSD đất ngày 15/06/2013 cho ông Phan Thế Mỹ; phần diện tích thu hồi 21,0m ² thuộc Giấy CNQSD đất đã cấp, được xác nhận tại Công văn số 2063/UBND-KTHT&ĐT ngày 18/06/2026 của UBND phường Đồng Thuận									
	Đơn giá bồi thường đất được Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận cung cấp phương án giá đất tại Công văn số 746/KTHT&ĐT ngày 16/06/2026 kèm theo Chứng thư định giá đất số 23/CT-BQL ngày 12/06/2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới									

(Chữ ký)

TT	Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
B	Bồi thường tài sản trên đất						46.248.400			
*	Tài sản tạo lập năm 2015, phục vụ đời sống, bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 102 và Điều 103 Luật Đất đai 2024									
-	Tường rào móng xây gạch, đá; tường xây gạch; trụ, giằng BTCT. Chiều cao 2m KT= 2,0 x 12 Đơn giá: 1.420.000 đ + 51.000đ x 2 (chiều cao tường vượt quy định 0,6m)	m ²	24,00	1.522.000			36.528.000			Phụ lục I - Mục B - VI - 19.18, QĐ23/2026
-	Mãng cầu trồng 6 năm	cây	4,00	206.700			826.800			Mục 11.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Vú sữa trồng 3 năm	cây	2,00	989.200			1.978.400			Mục 12.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Ôi trồng 3 năm	cây	5,00	423.200			2.116.000			Mục 15.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Mai Φ7cm	cây	3,00	685.600			2.056.800			Mục 4.F - PL.1, QĐ12/2025
-	Mai Φ15cm	cây	1,00	2.742.400			2.742.400			Mục 4.F - PL.1, QĐ12/2025
C	Các khoản hỗ trợ							6.665.800		
C.1	Hỗ trợ tài sản trên đất									
	Tài sản trên đất DTL thửa 553-2, TBD 210									
*	Tài sản tạo lập năm 2015, phục vụ đời sống. Mức hỗ trợ bằng 10% mức bồi thường theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 15 của Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/06/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị									
-	Tường rào móng xây gạch, đá; tường xây gạch; trụ, giằng BTCT. Chiều cao 2m KT= 2,0 x 5 Đơn giá: 1.420.000 đ + 51.000đ x 2 (chiều cao tường vượt quy định 0,6m)	m ²	10,00	1.522.000	10%			1.522.000		Phụ lục I - Mục B - VI - 19.18, QĐ23/2026

TT	Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
*	Tài sản tạo trên đất không đủ điều kiện bồi thường về đất trước thời điểm Thông báo thu hồi đất nhưng tại thời điểm tạo lập không bị lập biên bản xử lý vi phạm hành chính. Mức hỗ trợ bằng 100% mức bồi thường theo quy định tại khoản 10 Điều 15 của Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/06/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị									
-	Măng cầu trồng 6 năm	cây	1,00	206.700	100%			206.700		Mục 11.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Vú sữa trồng 3 năm	cây	1,00	989.200	100%			989.200		Mục 12.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Ổi trồng 3 năm	cây	2,00	423.200	100%			846.400		Mục 15.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Dừa trồng 3 năm	cây	5,00	542.100	100%			2.710.500		Mục 4.C - PL.1, QĐ12/2025
C.2	Hỗ trợ về đất									
-	Hỗ trợ làm thủ tục chỉnh lý giấy CNQSD đất (Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 15, QĐ 30/2026/QĐ-UBND). Đơn giá được quy định tại Nghị quyết số 97/2025/NQ-HĐND ngày 26/06/2025 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Công văn số 433/VPĐKĐĐ-KHTC ngày 10/09/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai. Cụ thể: 30.000đ/lệ phí + 210.000đ/phí + 151.000đ/giá dịch vụ công = 391.000đ	giấy	1,00	391.000				391.000		

10. Ông: Nguyễn Xuân Hiếu, CCCD số: 044059007951 và bà: Nguyễn Thị Thái, CCCD số: 044162000671

Địa chỉ: 27 Võ Xuân Cẩn - Tổ dân phố 7 Phú Xá - Phường Đồng Thuận

Số điện thoại liên hệ: 0984 080 696

10.1. Phương án bồi thường, hỗ trợ:

10.1. Phương án bồi thường, hỗ trợ:

TT	Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
	CỘNG:	Làm tròn số (đến hàng trăm đồng)				126.555.000	177.386.500	12.611.300	316.552.800	

TT	Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
A	Bồi thường về đất					126.555.000				
	Căn cứ theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95; khoản 1 Điều 96 Luật Đất đai 2024									
-	Đất trồng cây lâu năm (CLN), thửa số 305-1, TĐĐ 210, vị trí 1, phường Đồng Thuận	m ²	7,5	6.490.000		48.675.000				Đường Võ Xuân Cẩn, tiếp giáp hai mặt tiền
	Nguồn gốc sử dụng đất: Thửa đất thu hồi thuộc thửa đất số 305, tờ bản đồ số 32, được UBND TP Đồng Hới cấp Giấy CNQSD đất ngày 24/04/2012 cho ông, bà Nguyễn Xuân Hiếu - Nguyễn Thị Thái; Phần diện tích thu hồi 7,5m ² thuộc Giấy CNQSD đất đã cấp, được xác nhận tại Công văn số 2063/UBND-KTHT&ĐT ngày 18/06/2026 của UBND phường Đồng Thuận									
	Đơn giá bồi thường đất được Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận cung cấp phương án giá đất tại Công văn số 746/KTHT&ĐT ngày 16/06/2026 kèm theo Chứng thư định giá đất số 23/CT-BQL ngày 12/06/2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới									
-	Đất trồng cây lâu năm (CLN), thửa số 306-1, TĐĐ 210, vị trí 1, phường Đồng Thuận	m ²	13,2	5.900.000		77.880.000				Đường Võ Xuân Cẩn, một mặt tiền
	Nguồn gốc sử dụng đất: Thửa đất thu hồi thuộc thửa đất số 306, tờ bản đồ số 32, được UBND TP Đồng Hới cấp Giấy CNQSD đất ngày 24/04/2012 cho ông, bà Nguyễn Xuân Hiếu - Nguyễn Thị Thái; Phần diện tích thu hồi 13,2m ² thuộc Giấy CNQSD đất đã cấp, được xác nhận tại Công văn số 2063/UBND-KTHT&ĐT ngày 18/06/2026 của UBND phường Đồng Thuận									
	Đơn giá bồi thường đất được Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận cung cấp phương án giá đất tại Công văn số 746/KTHT&ĐT ngày 16/06/2026 kèm theo Chứng thư định giá đất số 23/CT-BQL ngày 12/06/2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới									
	Tổng diện tích thu hồi	m ²	20,7							
B	Bồi thường tài sản trên đất						177.386.490			
*	Tài sản tạo lập năm 2016, phục vụ đời sống, bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 102 và Điều 103 Luật Đất đai 2024									
	Thửa 305-1, TĐĐ 210									

TT	Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Tường rào móng xây đá hộc, tường xây gạch tô trát hoàn chỉnh, sơn màu, ốp gạch men 60x200, trên đồ mái BTCT lợp ngói 11v/m ² , trụ giằng BTCT cao 2,3m KT= 2,3 x 3,5 Đơn giá: 1.420.000đ + 51.000đ x 5 (chiều cao tường vượt quy định 0,5m)	m ²	8,05	1.675.000			13.483.750			Phụ lục I - Mục B - VI - 19.18, QĐ23/2026
+	Sơn không bả tường rào tính thêm KT= 1,4 x 3,5 x 2 mặt	m ²	9,80	100.000			980.000			Phụ lục I - Mục B - II - 6.2, QĐ23/2026
+	Ốp tường gạch men 60x200 KT= 0,6 x 3,5 x 2 mặt	m ²	4,20	338.000			1.419.600			Phụ lục I - Mục B - II - 8.1, QĐ23/2026
+	Sàn BTCT trên lợp ngói loại 11v/m ² trên cống KT= 0,6 x 3,5	m ²	2,10	2.008.000			4.216.800			Phụ lục I - Mục B - VI - 44.1, QĐ23/2026
-	Trụ cống BTCT, ốp gạch men 500x500, trên đồ sàn BTCT, trên lợp ngói loại 11v/m ² có sơn trần không bả									
+	Trụ cống BTCT KT= 0,5 x 0,5 x 3,8 x 2 trụ	m ³	1,90	8.533.000			16.212.700			Phụ lục I - Mục B - VI - 2, QĐ23/2026
+	Ốp trụ gạch men 500x500 KT= 0,5 x 4 tấm x 2,8m x 2 trụ	m ²	11,20	344.000			3.852.800			Phụ lục I - Mục B - II - 8.2, QĐ23/2026
+	Sàn BTCT trên lợp ngói loại 11v/m ² trên cống KT= 1,7 x 4,3	m ³	7,31	2.008.000			14.678.480			Phụ lục I - Mục B - VI - 44.1, QĐ23/2026
	Sơn không bả trần mái tính thêm KT= 1,7 x 4,3	m ²	7,31	100.000			731.000			Phụ lục I - Mục B - II - 6.2, QĐ23/2026
-	Cửa cổng sắt hộp kẽm không ray kéo KT= 2,8 x 2,8	m ²	7,84	1.076.000			8.435.840			Phụ lục I - Mục B - IV - 8, QĐ23/2026

TT	Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Sân bê tông xi măng KT= 0,4 x 10	m ²	4,00	211.000			844.000			Phụ lục I - Mục B - VI - 18.1, QĐ23/2026
-	Cau vua Ø20cm	cây	2,00	494.300			988.600			Mục 8.F - PL. 1, QĐ12/2025
	Thửa 306-1, TBD 210									
-	Trụ cổng BTCT, ốp gạch men 500x500, trên đồ sân BTCT, trên lợp ngói loại 11v/m ² có sơn trần không bả									
+	Trụ cổng BTCT KT= 0,5 x 0,5 x 3,8 x 2 trụ	m ³	1,90	8.533.000			16.212.700			Phụ lục I - Mục B - VI - 2, QĐ23/2026
+	Ốp trụ gạch men 500x500 KT= 0,5 x 4 tấm x 2,8m x 2 trụ	m ²	11,20	344.000			3.852.800			Phụ lục I - Mục B - II - 8.2, QĐ23/2026
+	Sân BTCT trên lợp ngói loại 11v/m ² trên cổng KT= 1,7 x 4,3	m ³	7,31	2.008.000			14.678.480			Phụ lục I - Mục B - VI - 44.1, QĐ23/2026
	Sơn không bả trần mái tính thêm KT= 1,7 x 4,3	m ²	7,31	100.000			731.000			Phụ lục I - Mục B - II - 6.2, QĐ23/2026
-	Cửa cổng sắt hộp kẽm không ray kéo KT= 2,8 x 2,8	m ²	7,84	1.076.000			8.435.840			Phụ lục I - Mục B - IV - 8, QĐ23/2026
-	Mái che khung sườn sắt, mái lợp tôn, trụ sắt kẽm, nền láng xi măng trên lát gạch men 500x500 KT: 4,5 x 12 = 54,0m ² (có 5,2 m ² trên thửa thửa 306-2, TBD 210, đất DGT) Trong đó: + Trong phạm vi. KT: 1,4 x 12 = 16,8m ² + Ngoài phạm vi. KT: 3,1 x 12 = 37,2m ²	m ²	48,80	771.000			37.624.800			Phụ lục I - Mục B - VI - 45.13, QĐ23/2026
	<i>Bồi thường toàn bộ tài sản đối với phần trong phạm vi và phần ngoài phạm vi thu hồi. (Căn cứ Công văn số 757/KTHT&ĐT ngày 18/06/2026 của Phòng KTHT&ĐT phường Đồng Thuận và Biên bản làm việc ngày 18/06/2026)</i>									

TT	Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Tường rào móng xây đá hộc, tường xây gạch tô trát hoàn chỉnh, sơn màu, ốp gạch men 60x200, trên đồ mái BTCT lợp ngói 11v/m ² , trụ giằng BTCT cao 2,3m KT= 2,3 x 5 Đơn giá: 1.420.000đ + 51.000đ x 5 (chiều cao tường vượt quy định 0,5m)	m ²	11,50	1.675.000			19.262.500			Phụ lục I - Mục B - VI - 19.18, QĐ23/2026
+	Sơn không bả tường rào tính thêm KT= 1,4 x 5 x 2 mặt	m ²	14,00	100.000			1.400.000			Phụ lục I - Mục B - II - 6.2, QĐ23/2026
+	Ốp tường gạch men 60x200 KT= 0,6 x 5 x 2 mặt	m ²	6,00	338.000			2.028.000			Phụ lục I - Mục B - II - 8.1, QĐ23/2026
+	Sàn BTCT trên lợp ngói loại 11v/m ² trên công KT= 0,6 x 5	m ²	3,00	2.008.000			6.024.000			Phụ lục I - Mục B - VI - 44.1, QĐ23/2026
-	Đắp phù điêu hoa văn trang trí chữ nổi tên công ty KT= 0,8 x 1	m ²	0,80	1.616.000			1.292.800			Phụ lục I - Mục B - VI - 59, QĐ23/2026
C	Các khoản hỗ trợ							12.611.291		
C.1	Hỗ trợ tài sản trên đất									
	Tài sản trên đất DGT thửa 305-2, TĐĐ 210									
*	Tài sản tạo lập năm 2016, phục vụ đời sống. Mức hỗ trợ bằng 10% mức bồi thường theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 15 của Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/06/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị									



TT	Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Tường rào móng xây đá hộc, tường xây gạch tô trát hoàn chỉnh, sơn màu, ốp gạch men 60x200, trên đồ mái BTCT lợp ngói 11v/m ² , trụ giằng BTCT cao 2,3m KT= 2,3 x 13,9 Đơn giá: 1.420.000đ + 51.000đ x 5 (chiều cao tường vượt quy định 0,5m)	m ²	31,97	1.675.000	10%			5.354.975		Phụ lục I - Mục B - VI - 19.18, QĐ23/2026
+	Sơn không bả tường rào tính thêm KT= 1,4 x 13,9 x 2 mặt	m ²	38,92	100.000	10%			389.200		Phụ lục I - Mục B - II - 6.2, QĐ23/2026
+	Ốp tường gạch men 60x200 KT= 0,6 x 13,9 x 2 mặt	m ²	16,68	338.000	10%			563.784		Phụ lục I - Mục B - II - 8.1, QĐ23/2026
+	Sàn BTCT trên lợp ngói loại 11v/m ² trên cống KT= 0,6 x 13,9	m ²	8,34	2.008.000	10%			1.674.672		Phụ lục I - Mục B - VI - 44.1, QĐ23/2026
	Tài sản trên đất DGT thửa 306-2, TĐĐ 210									
-	Tường rào móng xây đá hộc, tường xây gạch tô trát hoàn chỉnh, sơn màu, ốp gạch men 60x200, trên đồ mái BTCT lợp ngói 11v/m ² , trụ giằng BTCT cao 2,3m KT= 2,3 x 6 Đơn giá: 1.420.000đ + 51.000đ x 5 (chiều cao tường vượt quy định 0,5m)	m ²	13,80	1.675.000	10%			2.311.500		Phụ lục I - Mục B - VI - 19.18, QĐ23/2026
+	Sơn không bả tường rào tính thêm KT= 1,4 x 6 x 2 mặt	m ²	16,80	100.000	10%			168.000		Phụ lục I - Mục B - II - 6.2, QĐ23/2026
+	Ốp tường gạch men 60x200 KT= 0,6 x 6 x 2 mặt	m ²	7,20	338.000	10%			243.360		Phụ lục I - Mục B - II - 8.1, QĐ23/2026
+	Sàn BTCT trên lợp ngói loại 11v/m ² trên cống KT= 0,6 x 6	m ²	3,60	2.008.000	10%			722.880		Phụ lục I - Mục B - VI - 44.1, QĐ23/2026

TT	Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Mái che khung sườn sắt, mái lợp tôn, trụ sắt kẽm, nền láng xi măng trên lát gạch men 500x500	m ²	5,20	771.000	10%			400.920		Phụ lục I - Mục B - VI - 45.13, QĐ23/2026
C.2	Hỗ trợ về đất									
-	Hỗ trợ làm thủ tục chỉnh lý giấy CNQSD đất (Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 15, QĐ 30/2026/QĐ-UBND). Đơn giá được quy định tại Nghị quyết số 97/2025/NQ-HĐND ngày 26/06/2025 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Công văn số 433/VPĐKĐĐ-KHTC ngày 10/09/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai. Cụ thể: 30.000đ/lệ phí + 210.000đ/phí + 151.000đ/giá dịch vụ công = 391.000đ	giấy	2,00	391.000				782.000		

11. Ông: Bùi Văn Thế, CCCD số: 044059004717

- Địa chỉ: 02 Võ Xuân Cẩn - Tổ dân phố 8 Phú Xá - Phường Đồng Thuận

- Số điện thoại liên hệ: 0945 391 027

11.1. Phương án bồi thường, hỗ trợ:

11.1. Phương án bồi thường, hỗ trợ.										
TT	Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
	CỘNG:	Làm tròn số (đến hàng trăm đồng)				182.369.000	75.127.900	61.690.300	319.187.200	
A	Bồi thường về đất					182.369.000				
	Căn cứ theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95; khoản 1 Điều 96 Luật Đất đai 2024									
-	Đất trồng cây lâu năm (CLN), thửa số 502-1, TĐĐ 211, vị trí 1, phường Đồng Thuận	m²	28,1	6.490.000		182.369.000				Đường Võ Xuân Cẩn, tiếp giáp hai mặt tiền
	Nguồn gốc sử dụng đất: Thửa đất thu hồi thuộc thửa đất số 130, tờ bản đồ số 10, được UBND TX Đồng Hới cấp Giấy CNQSD đất ngày 09/09/1991 cho ông Bùi Thế; Phần diện tích thu hồi 28,1m² thuộc Giấy CNQSD đất đã cấp, được xác nhận tại Công văn số 2063/UBND-KTHT&ĐT ngày 18/06/2026 của UBND phường Đồng Thuận									-

Handwritten signature and initials

TT	Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
	Đơn giá bồi thường đất được Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận cung cấp phương án giá đất tại Công văn số 746/KTHT&ĐT ngày 16/06/2026 kèm theo Chứng thư định giá đất số 23/CT-BQL ngày 12/06/2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới									
B	Bồi thường tài sản trên đất						75.127.880			
*	Tài sản tạo lập năm 2015 và 2017, phục vụ sinh hoạt, bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 102 và Điều 103 Luật Đất đai 2024									
-	Sân bê tông xi măng, trên lát gạch Granit đỏ Ấn Độ KT= 3,1 x 1,0	m ²	3,10	211.000			654.100			Phụ lục I - Mục B - VI - 18.1, QĐ23/2026
+	Nền lát gạch Granit đỏ Ấn Độ tính thêm KT= 3,1 x 1,0	m ²	3,10	1.018.000			3.155.800			Phụ lục I - Mục B - I - 2.5.1, QĐ23/2026
-	Nhà kho móng xây đá hộc, tường xây tô trát hoàn chỉnh cao 3,0m mái lợp tôn, cửa sắt cuốn. Nền láng bê tông láng xi măng trên lát gạch men 400x400 KT: 3,6 x 4,6 = 16,56 Trong đó: + Trong phạm vi. KT: (0,8 + 1,1)/2 x 4,6 = 4,37 + Ngoài phạm vi. KT: (2,8 + 2,5)/2 x 4,6 = 12,19 Đơn giá: 2.126.000đ + 32.000đ x 3 (chiều cao tường vượt quy định 0,3m)	m ²	16,56	2.222.000			36.796.320			Phụ lục I - Mục A - II - 9, QĐ23/2026
+	Nền lát gạch men 400x400 tính thêm KT= 3,3 x 4,3	m ²	14,19	276.000			3.916.440			Phụ lục I - Mục B - I - 2.1, QĐ23/2026
	Bồi thường toàn bộ tài sản đối với phần trong phạm vi và phần ngoài phạm vi thu hồi. (Căn cứ Công văn số 750/KTHT&ĐT ngày 22/12/2025 của Phòng KTHT&ĐT phường Đồng Thuận và Biên bản làm việc ngày 02/12/2025)									

TT	Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Mái che lợp tôn, khung vì kèo sắt hộp kẽm, trụ BTCT, nền láng bê tông xi măng KT: $3,6 \times 5,2 = 18,72$ Trong đó: + Trong phạm vi. KT: $(1,1 + 1,3)/2 \times 5,2 = 6,24$ + Ngoài phạm vi. KT: $(2,5 + 2,3)/2 \times 5,2 = 12,48$	m ²	18,72	771.000			14.433.120			Phụ lục I - Mục B - VI - 45.13, QĐ23/2026
	<i>Bồi thường toàn bộ tài sản đối với phần trong phạm vi và phần ngoài phạm vi thu hồi. (Căn cứ Công văn số 750/KTHT&ĐT ngày 22/12/2025 của Phòng KTHT&ĐT phường Đồng Thuận và Biên bản làm việc ngày 02/12/2025)</i>									
-	Măng cầu trồng 6 năm	cây	4,00	206.700			826.800			Mục 11.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Bơ trồng 3 năm	cây	2,00	4.455.200			8.910.400			Mục 17.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Chanh trồng 5 năm	cây	2,00	952.500			1.905.000			Mục 2.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Xoài trồng 5 năm	cây	1,00	1.428.600			1.428.600			Mục 13.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Huê Ø15cm	cây	1,00	157.900			157.900			Mục 8.D - PL.1, QĐ12/2025
-	Huê Ø5cm	cây	4,00	129.700			518.800			Mục 8.D - PL.1, QĐ12/2025
-	Mít trồng 10 năm	cây	2,00	1.212.300			2.424.600			Mục 7.B - PL.1, QĐ12/2025
C	Các khoản hỗ trợ							61.690.263		
C.1	Hỗ trợ tài sản trên đất									
	Tài sản trên đất DGT thửa 502-2, TĐĐ 211									
*	<i>Tài sản tạo lập năm 2000, phục vụ đời sống. Mức hỗ trợ bằng 80% mức bồi thường theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 15 của Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/06/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị</i>									

TT	Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Tường rào móng xây gạch, đá; tường xây gạch; trụ, giằng BTCT. Chiều cao 2m KT= 2 x 22 Đơn giá: 1.420.000đ + 51.000đ x 2 (chiều cao tường vượt quy định 0,2m)	m ²	44,00	1.522.000	80%			53.574.400		Phụ lục I - Mục B - VI - 19.18, QĐ23/2026
*	<i>Tài sản tạo lập năm 2015, phục vụ đời sống. Mức hỗ trợ bằng 10% mức bồi thường theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 15 của Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/06/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị</i>									
-	Trụ cổng BTCT, trên đồ sân BTCT, mái lợp ngói loại 11v/m ² có sơn không bả trụ và trần									
+	Trụ cổng BTCT KT= 0,6 x 0,6 x 3,8 x 2 trụ	m ³	2,736	8.533.000	10%			2.334.629		Phụ lục I - Mục B - VI - 2, QĐ23/2026
	Sơn không bả trụ BTCT tính thêm KT= 0,6 x 0,6 x 3,8 x 2 trụ	m ²	2,736	100.000	10%			27.360		Phụ lục I - Mục B - II - 6.2, QĐ23/2026
+	Sân BTCT trên cổng trên lợp ngói loại 11v/m ² KT= 1,6 x 4,8	m ²	7,68	2.008.000	10%			1.542.144		Phụ lục I - Mục B - VI - 44.1, QĐ23/2026
	Sơn không bả trên mái tính thêm KT= 1,6 x 4,8	m ²	7,68	100.000	10%			76.800		Phụ lục I - Mục B - II - 6.2, QĐ23/2026
-	Cửa cổng sắt hộp kẽm có ray kéo KT= 3,1 x 2,8	m ²	8,68	1.206.000	10%			1.046.808		Phụ lục I - Mục B - IV - 7, QĐ23/2026
-	Sân bê tông xi măng, trên lát gạch Granit đỏ Ấn Độ KT= 3,1 x 0,8	m ²	2,48	211.000	10%			52.328		Phụ lục I - Mục B - VI - 18.1, QĐ23/2026
+	Nền lát gạch Granit đỏ Ấn Độ tính thêm KT= 3,1 x 0,8	m ²	2,48	1.018.000	10%			252.464		Phụ lục I - Mục B - I - 2.5.1, QĐ23/2026
-	Trụ cổng BTCT (nhà kho) KT= 0,45 x 0,45 x 3,7 x 2 trụ	m ³	1,4985	8.533.000	10%			1.278.670		Phụ lục I - Mục B - VI - 2, QĐ23/2026

TT	Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Cửa cổng sắt hộp kẽm không có ray kéo (nhà kho) KT= 4,5 x 2,3	m ²	10,35	1.076.000	10%			1.113.660		Phụ lục I - Mục B - IV - 8, QĐ23/2026
C.2	Hỗ trợ về đất									
-	Hỗ trợ làm thủ tục chỉnh lý giấy CNQSD đất (Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 15, QĐ 30/2026/QĐ-UBND). Đơn giá được quy định tại Nghị quyết số 97/2025/NQ-HĐND ngày 26/06/2025 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Công văn số 433/VPĐKĐĐ-KHTC ngày 10/09/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai. Cụ thể: 30.000đ/lệ phí + 210.000đ/phí + 151.000đ/giá dịch vụ công = 391.000đ	giấy	1,00	391.000				391.000		

12. Ông: Nguyễn Thanh Ngọc, CCCD số: 044078008353 và bà: Trần Thị Thanh Tâm, CCCD số: 044180002130

- Địa chỉ: Thôn Uyên Phong - Xã Tuyên Hóa

- Số điện thoại liên hệ: 0828 801 435 - 0857 392 916

12.1. Phương án bồi thường, hỗ trợ:

12.1. Phương án bồi thường, hỗ trợ.

TT	Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
	CỘNG:	Làm tròn số (đến hàng trăm đồng)				143.960.000	0	391.000	144.351.000	
A	Bồi thường về đất					143.960.000				
	Căn cứ theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95; khoản 1 Điều 96 Luật Đất đai 2024									
-	Đất ở đô thị (ODT), thửa số 174-1, TĐĐ 199, vị trí 1, phường Đồng Thuận	m²	12,2	11.800.000		143.960.000				Đường Võ Xuân Cẩn, một mặt tiền
	Nguồn gốc sử dụng đất: Thửa đất thu hồi thuộc thửa đất số 174, tờ bản đồ số 26, được Sở TN&MT tỉnh Quảng Bình cấp Giấy CNQSD đất ngày 20/04/2018 cho ông, bà Nguyễn Thanh Ngọc - Trần Thị Thanh Tâm; Phần diện tích thu hồi 12,2m² thuộc Giấy CNQSD đất đã cấp, được xác nhận tại Công văn số 2063/UBND-KTHT&ĐT ngày 18/06/2026 của UBND phường Đồng Thuận									

TT	Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
	Đơn giá bồi thường đất được Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận cung cấp phương án giá đất tại Công văn số 746/KTHT&ĐT ngày 16/06/2026 kèm theo Chứng thư định giá đất số 23/CT-BQL ngày 12/06/2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới									
B	Bồi thường tài sản trên đất						0			
-	Hiện trạng không có tài sản									
C	Các khoản hỗ trợ							391.000		
-	Hỗ trợ làm thủ tục chính lý giấy CNQSD đất (Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 15, QĐ 30/2026/QĐ-UBND). Đơn giá được quy định tại Nghị quyết số 97/2025/NQ-HĐND ngày 26/06/2025 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Công văn số 433/VPĐKĐĐ-KHTC ngày 10/09/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai. Cụ thể: 30.000đ/lệ phí + 210.000đ/phí + 151.000đ/giá dịch vụ công = 391.000đ	giấy	1,00	391.000				391.000		

13. Ông: Trần Lý, CCCD số: 044071008723 và bà: Nguyễn Thị Cúc, CCCD số: 044170007090

- Địa chỉ: Thôn Bồng Lai 1 - Xã Bồ Trạch

- Số điện thoại liên hệ: 0949 611 742

13.1. Phương án bồi thường, hỗ trợ:

TT	Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
	CỘNG:	Làm tròn số (đến hàng trăm đồng)				149.860.000	0	391.000	150.251.000	
A	Bồi thường về đất					149.860.000				
	Căn cứ theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95; khoản 1 Điều 96 Luật Đất đai 2024									
-	Đất ở đô thị (ODT), thửa số 175-1, TBĐ 199, vị trí 1, phường Đồng Thuận	m ²	12,7	11.800.000		149.860.000				Đường Võ Xuân Cẩn, một mặt tiền

(Chữ ký và dấu)

TT	Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
	Nguồn gốc sử dụng đất: Thửa đất thu hồi thuộc thửa đất số 175, tờ bản đồ số 26, được Sở TN&MT tỉnh Quảng Bình cấp Giấy CNQSD đất ngày 07/08/2020 cho ông, bà Trần Lý - Nguyễn Thị Cúc; Phần diện tích thu hồi 12,7m² thuộc Giấy CNQSD đất đã cấp, được xác nhận tại Công văn số 2063/UBND-KTHT&ĐT ngày 18/06/2026 của UBND phường Đồng Thuận									
	Đơn giá bồi thường đất được Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận cung cấp phương án giá đất tại Công văn số 746/KTHT&ĐT ngày 16/06/2026 kèm theo Chứng thư định giá đất số 23/CT-BQL ngày 12/06/2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới									
B	Bồi thường tài sản trên đất						0			
-	Hiện trạng không có tài sản									
C	Các khoản hỗ trợ							391.000		
-	Hỗ trợ làm thủ tục chính lý giấy CNQSD đất (Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 15, QĐ 30/2026/QĐ-UBND). Đơn giá được quy định tại Nghị quyết số 97/2025/NQ-HĐND ngày 26/06/2025 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Công văn số 433/VPĐKĐĐ-KHTC ngày 10/09/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai. Cụ thể: 30.000đ/lệ phí + 210.000đ/phí + 151.000đ/giá dịch vụ công = 391.000đ	giấy	1,00	391.000				391.000		

14. Ông: Đậu Tiến Dũng, CCCD số: 044079000254 và bà: Lê Thị Mỹ Công, CCCD số: 044179000262

- Địa chỉ: 100 Võ Thị Sáu - Tổ dân phố 9 Nam Lý - Phường Đồng Hới

- Số điện thoại liên hệ: 0935 691 888

14.1. Phương án bồi thường, hỗ trợ:

14.1. Phương án bồi thường, hỗ trợ.

TT	Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
	CỘNG:	Làm tròn số (đến hàng trăm đồng)				97.350.000	13.030.500	391.000	110.771.500	
A	Bồi thường về đất					97.350.000				

TT	Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
	Căn cứ theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95; khoản 1 Điều 96 Luật Đất đai 2024									
-	Đất trồng cây lâu năm (CLN), thửa số 303-1, TBĐ 210, vị trí 1, phường Đồng Thuận	m ²	16,5	5.900.000		97.350.000				Đường Võ Xuân Cẩn, một mặt tiền
	Nguồn gốc sử dụng đất: Thửa đất thu hồi thuộc thửa đất số 303, tờ bản đồ số 32, được UBND TP Đồng Hới cấp Giấy CNQSD đất ngày 23/02/2013 cho ông, bà Đậu Tiến Dũng - Lê Thị Mỹ Công; Phần diện tích thu hồi 16,5m ² thuộc Giấy CNQSD đất đã cấp, được xác nhận tại Công văn số 2063/UBND-KTHT&ĐT ngày 18/06/2026 của UBND phường Đồng Thuận									
	Đơn giá bồi thường đất được Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận cung cấp phương án giá đất tại Công văn số 746/KTHT&ĐT ngày 16/06/2026 kèm theo Chứng thư định giá đất số 23/CT-BQL ngày 12/06/2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới									
B	Bồi thường tài sản trên đất						13.030.500			
*	Tài sản tạo lập năm 2017, phục vụ đời sống, bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 102 và Điều 103 Luật Đất đai 2024									
-	Tường rào móng xây gạch, đá; tường xây blo; trụ, giằng BTCT. Chiều cao 1,5m KT= 1,5 x 7 Đơn giá: 1.190.000đ + 51.000đ (chiều cao tường vượt quy định 0,1m)	m ²	10,50	1.241.000			13.030.500			Phụ lục I - Mục B - VI - 19.20, QĐ23/2026
C	Các khoản hỗ trợ							391.000		
-	Hỗ trợ làm thủ tục chỉnh lý giấy CNQSD đất (Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 15, QĐ 30/2026/QĐ-UBND). Đơn giá được quy định tại Nghị quyết số 97/2025/NQ-HĐND ngày 26/06/2025 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Công văn số 433/VPĐKĐĐ-KHTC ngày 10/09/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai. Cụ thể: 30.000đ/lệ phí + 210.000đ/phí + 151.000đ/giá dịch vụ công = 391.000đ	giấy	1,00	391.000				391.000		

15. Ông: Nguyễn Khánh Huy, CCCD số: 044079001202

Địa chỉ: 35 Võ Xuân Cẩn - Tổ dân phố 7 Phú Xá - Phường Đồng Thuận

Số điện thoại liên hệ: 0989 266 269

15.1. Phương án bồi thường, hỗ trợ:

TT	Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
	CỘNG:	Làm tròn số (đến hàng trăm đồng)				397.188.000	567.131.100	391.000	964.710.100	
A	Bồi thường về đất					397.188.000				
	Căn cứ theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95; khoản 1 Điều 96 Luật Đất đai 2024									
-	Đất trồng cây lâu năm (CLN), thửa số 415-1, TĐĐ 209, vị trí 1, phường Đồng Thuận	m ²	61,2	6.490.000		397.188.000				Đường Võ Xuân Cẩn, tiếp giáp hai mặt tiền
	Nguồn gốc sử dụng đất: Thửa đất thu hồi thuộc thửa đất số 415, tờ bản đồ số 31, được VPĐKKĐ tỉnh Quảng Bình cấp Giấy CNQSD đất ngày 14/06/2024 cho ông Nguyễn Khánh Huy và đã xác nhận tại Công văn số 1461/UBND-KTHT&ĐT ngày 11/5/2026 của UBND phường Đồng Thuận									
	Đơn giá bồi thường đất được Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận cung cấp phương án giá đất tại Công văn số 578/KTHT&ĐT ngày 07/4/2026 kèm theo Chứng thư định giá đất số 14/CT-BQL ngày 03/4/2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới									
B	Bồi thường tài sản trên đất						567.131.073			
*	Tài sản tạo lập năm 2022, phục vụ đời sống, bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 102 và Điều 103 Luật Đất đai 2024; Tài sản nằm ngoài phạm vi thu hồi, bồi thường theo quy định tại điểm a khoản 11 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15									
-	Tường rào móng xây gạch, đá; tường xây gạch; trụ, giằng BTCT; bộ trụ BTCT tổ trát hoàn chỉnh trên có hoa sắt vuông chống nhọn, đắp chỉ phào, sơn giả đá 2 mặt. Chiều cao 2,7m KT= 2,7 x 23 Đơn giá: 1.799.000đ + 51.000đ x 9 (chiều cao tường vượt quy định 0,9m)	m ²	62,10	2.258.000			140.221.800			Phụ lục I - Mục B - VI - 19.17, QĐ23/2026

TT	Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
+	Tường sơn giả đá tính thêm KT= 2,7 x 23 x 2 mặt	m ²	124,20	398.000			49.431.600			Phụ lục I - Mục B - II - 8.6, QĐ23/2026
-	Tường rào móng xây gạch, đá; tường xây kín không có khe thoáng, bô trụ gạch 220x220, sơn 2 mặt. Chiều cao 2,5m KT= 2,5 x 23 Đơn giá: 1.177.000đ + 49.000đ x 11 (chiều cao tường vượt quy định 1,1m)	m ²	57,50	1.716.000			98.670.000			Phụ lục I - Mục B - VI - 19.22, QĐ23/2026
+	Tường sơn không bả tính thêm KT= 2,5 x 23 x 2 mặt	m ²	115,00	100.000			11.500.000			Phụ lục I - Mục B - II - 6.2, QĐ23/2026
-	Trụ cổng BTCT tô trát hoàn chỉnh sơn giả đá không bả, trên đồ đạc BTCT, sàn BTCT, lợp ngói loại 11v/m ²									
+	Trụ cổng BTCT KT= 0,7 x 0,7 x 4,2 x 2 trụ	m ³	4,116	8.533.000			35.121.828			Phụ lục I - Mục B - VI - 2, QĐ23/2026
	Trụ sơn giả đá tính thêm KT= 0,7 x 4,2 x 4 mặt x 2 trụ	m ²	23,52	398.000			9.360.960			Phụ lục I - Mục B - II - 8.6, QĐ23/2026
+	Dầm BTCT trên cổng KT= 0,25 x 0,35 x 5,2	m ³	0,455	8.329.000			3.789.695			Phụ lục I - Mục B - VI - 3, QĐ23/2026
+	Dầm sơn giả đá không bả tính thêm KT= (0,25 + 0,35) x 5,2 x 2 mặt	m ²	6,24	100.000			624.000			Phụ lục I - Mục B - II - 6.2, QĐ23/2026
+	Sàn BTCT trên lợp ngói loại 11v/m ² trên cổng KT= 2,4 x 5,2	m ²	12,48	2.008.000			25.059.840			Phụ lục I - Mục B - VI - 44.1, QĐ23/2026
	Sàn sơn giả đá tính thêm KT= 2,4 x 5,2	m ²	12,48	398.000			4.967.040			Phụ lục I - Mục B - II - 8.6, QĐ23/2026

TT	Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Cửa cổng sắt hộp kẽm hàn CNC đơn giản KT= 3,7 x 2,7	m ²	9,99	1.859.000			18.571.410			Phụ lục I - Mục B - IV - 5, QĐ23/2026
-	Nhà kết cấu đơn giản móng xây đá hộc, tường xây gạch tô trát hoàn chỉnh cao 4m, mái lợp tôn, cửa sắt, nền đồ bê tông láng xi măng KT: 5,0 x 6,0 = 30,00 Trong đó: + Trong phạm vi. KT: 0,8 x 6,0 = 4,80 + Ngoài phạm vi. KT: 4,2 x 6,0 = 25,20 Đơn giá: 2.126.000đ + 32.000đ x 13 (chiều cao tường vượt quy định 1,3m)	m ²	30,00	2.542.000			76.260.000			Phụ lục I - Mục A - II - 9, QĐ23/2026
Bồi thường toàn bộ tài sản đối với phần trong phạm vi và phần ngoài phạm vi thu hồi. (Căn cứ Công văn số 500/KTHT&ĐT ngày 12/05/2026 của Phòng KTHT&ĐT phường Đồng Thuận và Biên bản làm việc ngày 06/05/2026)										
-	Sân bê tông xi măng, trên lát gạch men 500x500 KT= 20 x 1,4	m ²	28,00	211.000			5.908.000			Phụ lục I - Mục B - VI - 18.1, QĐ23/2026
+	Nền lát gạch men 500x500 tính thêm KT= 20 x 1,4	m ²	28,00	326.000			9.128.000			Phụ lục I - Mục B - I - 2.2, QĐ23/2026
-	Lội Φ16cm	cây	2,00	1.090.000			2.180.000			Mục 6.F - PL.1, QĐ12/2025
-	Trúc bụi 4 cây, tổng 240 cây	bụi	60,00	54.400			3.264.000			Mục 5.E - PL.1, QĐ12/2025
-	Mai Φ < 2cm	cây	3,00	137.000			411.000			Mục 4.F - PL.1, QĐ12/2025
-	Tùng Φ3-5cm	cây	6,00	85.000			510.000			Mục 6.F - PL.1, QĐ12/2025
-	Nguyệt quế cao 1,5m	cây	1,00	987.500			987.500			Mục 14.F - PL.1, QĐ12/2025
-	Hải đường Φ2cm (áp giá tương tự cây tại mục 20.F-PLI QĐ 12/2025)	cây	1,00	10.000			10.000			Mục 20.F - PL.1, QĐ12/2025

TT	Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Chùm ngây Ø8cm, trồng 5 năm (áp giá tương tự cây tại mục 10.F-PL1 QĐ 12/2025)	cây	2,00	29.700			59.400			Mục 10.F - PL.1, QĐ12/2025
-	Sanh Ø3cm	cây	4,00	42.500			170.000			Mục 6.F - PL.1, QĐ12/2025
-	Mai Ø10cm	cây	8,00	2.742.400			21.939.200			Mục 4.F - PL.1, QĐ12/2025
-	Nhãn trồng 4 năm	cây	1,00	3.615.900			3.615.900			Mục 8.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Vú sữa trồng 5 năm	cây	2,00	1.928.600			3.857.200			Mục 12.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Mãng cầu xiêm trồng 6 năm	cây	1,00	206.700			206.700			Mục 11.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Xoài trồng 4 năm	cây	1,00	1.428.600			1.428.600			Mục 13.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Bơ trồng 6 năm	cây	1,00	4.455.200			4.455.200			Mục 17.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Dâu trồng 6 năm (áp giá tương tự cây tại mục 15.B-PL1 QĐ 12/2025)	cây	4,00	317.400			1.269.600			Mục 15.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Huê Ø5cm	cây	1,00	129.700			129.700			Mục 8.D - PL.1, QĐ12/2025
-	Bưởi trồng 3 năm	cây	3,00	317.800			953.400			Mục 1.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Mãng cầu trồng 10 năm	cây	1,00	103.300			103.300			Mục 11.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Bơ trồng 3 năm	cây	1,00	4.455.200			4.455.200			Mục 17.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Đào Ø3cm	cây	2,00	53.100			106.200			Mục 2.F - PL.1, QĐ12/2025
-	Bơ trồng 4 năm	cây	2,00	4.455.200			8.910.400			Mục 17.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Ổi trồng 4 năm	cây	4,00	423.200			1.692.800			Mục 15.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Nhãn trồng 5 năm	cây	4,00	3.615.900			14.463.600			Mục 8.B - PL.1, QĐ12/2025

TT	Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Mai Ø5cm	cây	1,00	685.600			685.600			Mục 4.F - PL.1, QĐ12/2025
-	Ôi trồng 5 năm	cây	1,00	317.400			317.400			Mục 15.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Măng cầu trồng 7 năm	cây	1,00	155.000			155.000			Mục 11.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Mung Ø30cm	cây	2,00	1.090.000			2.180.000			Mục 6.F - PL.1, QĐ12/2025
C	Các khoản hỗ trợ							391.000		
-	Hỗ trợ làm thủ tục chỉnh lý giấy CNQSD đất (Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 15, QĐ 30/2026/QĐ-UBND). Đơn giá được quy định tại Nghị quyết số 97/2025/NQ-HĐND ngày 26/06/2025 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Công văn số 433/VPĐKĐĐ-KHTC ngày 10/09/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai. Cụ thể: 30.000đ/lệ phí + 210.000đ/phí + 151.000đ/giá dịch vụ công = 391.000đ	giấy	1,00	391.000				391.000		

16. Ông: Hoàng Hữu Thọ Hữu Thọ (Hoàng Hữu Thọ), CCCD số: 044074002777 và Bà: Hoàng Thị Kiến Giang, CCCD số: 044174001999

- Địa chỉ: TDP 1 Lộc Đại - Phường Đồng Thuận

- Số điện thoại liên hệ: 0913 376 547

16.1. Phương án bồi thường, hỗ trợ:

TT	Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
	CỘNG:	Làm tròn số (đến hàng trăm đồng)				663.278.000	23.286.300	391.000	686.955.300	
A	Bồi thường về đất					663.278.000				
	Căn cứ theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95; khoản 1 Điều 96 Luật Đất đai 2024									



TT	Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Đất trồng cây lâu năm (CLN), thửa số 394(1), TĐĐ 31, vị trí 1, phường Đồng Thuận	m ²	102,2	6.490.000		663.278.000				Đường Võ Xuân Cẩn, tiếp giáp hai mặt tiền
	Nguồn gốc sử dụng đất: Thửa đất thu hồi thuộc thửa đất số 166, tờ bản đồ số 10, được UBND TP Đồng Hới cấp Giấy CNQSD đất ngày 01/10/2014 cho ông, bà Nguyễn Hữu Thọ - Hoàng Thị Kiến Giang và đã xác nhận tại Công văn số 385/UBND-KTHT&ĐT ngày 31/8/2025 của UBND phường Đồng Thuận									
	Đơn giá bồi thường đất được Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận cung cấp phương án giá đất tại Công văn số 746/KTHT&ĐT ngày 16/06/2026 kèm theo Chứng thư định giá đất số 23/CT-BQL ngày 12/06/2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới									
B	Bồi thường tài sản trên đất						23.286.300			
*	Tài sản tạo lập năm 2010, phục vụ đời sống, bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 102 và Điều 103 Luật Đất đai 2024									
-	Kè móng xây đá hộc xanh KT= 0,4 x 1 x 20	m ³	8,00	2.156.000			17.248.000			Phụ lục I - Mục B - VI - 10, QĐ23/2026
-	Khế trồng 2 năm	cây	5,00	313.500			1.567.500			Mục 16.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Khế trồng 6 năm	cây	2,00	1.145.400			2.290.800			Mục 16.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Sanh Φ15cm	cây	4,00	545.000			2.180.000			Mục 6.F - PL.1, QĐ12/2025
C	Các khoản hỗ trợ							391.000		
-	Hỗ trợ làm thủ tục chính lý giấy CNQSD đất (Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 15, QĐ 30/2026/QĐ-UBND). Đơn giá được quy định tại Nghị quyết số 97/2025/NQ-HĐND ngày 26/06/2025 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Công văn số 433/VPĐKĐĐ-KHTC ngày 10/09/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai. Cụ thể: 30.000đ/lệ phí + 210.000đ/phí + 151.000đ/giá dịch vụ công = 391.000đ	giấy	1,00	391.000				391.000		

17. Ông: Nguyễn Ngọc Sinh, CCCD số: 044073001491 và bà: Lê Thị Minh Hà, CCCD số: 044181004918

- Địa chỉ: 44 Cao Thắng - Tổ dân phố 8 Phú Xá - Phường Đồng Thuận

- Số điện thoại liên hệ: 0989 680 468

17.1. Phương án bồi thường, hỗ trợ:

17.1. Trường an bồi thường, hỗ trợ.

TT	Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
	CỘNG:	Làm tròn số (đến hàng trăm đồng)				273.875.000	328.918.400	391.000	603.184.400	
A	Bồi thường về đất					273.875.000				
	Căn cứ theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95; khoản 1 Điều 96 Luật Đất đai 2024									
-	Đất trồng cây lâu năm (CLN), thửa số 503(1), TBĐ 33, vị trí 1, phường Đồng Thuận	m²	31,3	8.750.000		273.875.000				Đường Cao Thắng, tiếp giáp hai mặt tiền
	Nguồn gốc sử dụng đất: Thửa đất thu hồi thuộc thửa đất số 503, tờ bản đồ số 33, được Sở TN&MT tỉnh Quảng Bình cấp Giấy CNQSD đất ngày 13/5/2019 cho ông, bà Nguyễn Ngọc Sinh - Lê Thị Minh Hà và đã xác nhận tại Công văn số 1049/UBND-KTHT&ĐT ngày 15/12/2025 của UBND phường Đồng Thuận									
	Đơn giá bồi thường đất được Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận cung cấp phương án giá đất tại Công văn số 756/KTHT&ĐT ngày 16/06/2026 kèm theo Chứng thư định giá đất số 26/CT-BQL ngày 12/06/2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới									
B	Bồi thường tài sản trên đất						328.918.420			
*	Tài sản tạo lập năm 2016 phục vụ đời sống, bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 102 và Điều 103 Luật Đất đai 2024									
-	Tường rào móng xây đá hộc, tường xây gạch tô trát hoàn chỉnh, sơn màu, đồ mái BTCT tạo giả ngói, phía trên có hoa sắt vuông chông nhọn, trụ giằng BTCT cao 2,8m. Trên có hàn hoa văn sắt đặc chông nhọn cao 1,7m KT= 2,8 x 35 Đơn giá: 1.421.000đ + 51.000đ x 14 (chiều cao tường vượt quy định 1,4m)	m²	98,00	2.135.000			209.230.000			Phụ lục I - Mục B - VI - 19.19, QĐ23/2026

TT	Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
+	Tường sơn không bả tính thêm KT= 2,8 x 35 x 2 mặt	m ²	196,00	100.000			19.600.000			Phụ lục I - Mục B - II - 6.2, QĐ23/2026
+	Mái BTCT trên tường rào KT= 0,5 x 0,2 x 20	m ³	2,00	2.008.000			4.016.000			Phụ lục I - Mục B - VI - 44.1, QĐ23/2026
+	Khung sắt đặc hàn trên chông nhọn cao 1,7m KT= 1,7 x 35 Đơn giá: 676.000đ + 49.000đ x 3 (chiều cao tường vượt quy định 0,3m)	m ²	59,50	823.000			48.968.500			Phụ lục I - Mục B - VI - 19.13, QĐ23/2026
-	Kè móng xây gạch chỉ (rãnh thoát nước) KT= 0,22 x 0,6 x 35	m ³	4,62	2.156.000			9.960.720			Phụ lục I - Mục B - VI - 10, QĐ23/2026
-	Hồ chứa nước đáy bê tông, tô trát hoàn chỉnh KT= (6,7 x 3 x 1,4) + (1 x 2 x 1,4)	m ³	30,94	685.000			21.193.900			Phụ lục I - Mục B - VI - 16.6, QĐ23/2026
-	Tùng la hán Φ15cm	cây	11,00	1.090.000			11.990.000			Mục 6.F - PL.1, QĐ12/2025
-	Tùng la hán Φ25cm	cây	1,00	1.090.000			1.090.000			Mục 6.F - PL.1, QĐ12/2025
-	Thiên tuế Φ40cm, chiều cao thân 2,5m	cây	2,00	198.900			397.800			Mục 5.F - PL.1, QĐ12/2025
-	Cau vua Φ20cm	bụi	5,00	494.300			2.471.500			Mục 8.F - PL.1, QĐ12/2025
C	Các khoản hỗ trợ							391.000		
-	Hỗ trợ làm thủ tục chính lý giấy CNQSD đất (Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 15, QĐ 30/2026/QĐ-UBND). Đơn giá được quy định tại Nghị quyết số 97/2025/NQ-HĐND ngày 26/06/2025 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Công văn số 433/VPĐKĐĐ-KHTC ngày 10/09/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai. Cụ thể: 30.000đ/lệ phí + 210.000đ/phí + 151.000đ/giá dịch vụ công = 391.000đ	giấy	1,00	391.000				391.000		

18. Ông: Nguyễn Văn Hóa, CCCD số: 044056000046 và bà: Lê Thị Hoài Nam, CCCD số: 044157007553

- Địa chỉ: 46 Cao Thắng - Tổ dân phố 8 Phú Xá - Phường Đồng Thuận

- Số điện thoại liên hệ: 0776 267 338

18.1. Phương án bồi thường, hỗ trợ:

TT	Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
	CỘNG:	Làm tròn số (đến hàng trăm đồng)				2.607.500.000	580.733.400	391.000	3.188.624.400	
A	Bồi thường về đất					2.607.500.000				
Căn cứ theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95; khoản 1 Điều 96 Luật Đất đai 2024										
-	Đất trồng cây lâu năm (CLN), thửa số 899-1, TBĐ 211, vị trí 1, phường Đồng Thuận	m ²	98,0	8.750.000		857.500.000				Đường Cao Thắng, tiếp giáp hai mặt tiền
-	Đất ở đô thị (ODT), thửa số 899-1, TBĐ 211, vị trí 1, phường Đồng Thuận	m ²	100,0	17.500.000		1.750.000.000				Đường Cao Thắng, tiếp giáp hai mặt tiền
Nguồn gốc sử dụng đất: Thửa đất thu hồi thuộc thửa đất số 202, tờ bản đồ số 33, được UBND TP Đồng Hới cấp Giấy CNQSD đất ngày 25/02/2016 cho ông, bà Nguyễn Văn Hóa - Lê Thị Hoài Nam và đã xác nhận tại Công văn số 1461/UBND-KTHT&ĐT ngày 11/5/2026 của UBND phường Đồng Thuận										
Đơn giá bồi thường đất được Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận cung cấp phương án giá đất tại Công văn số 756/KTHT&ĐT ngày 16/06/2026 kèm theo Chứng thư định giá đất số 26/CT-BQL ngày 12/06/2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới										
	Tổng diện tích thu hồi	m ²	198,0							
B	Bồi thường tài sản trên đất						580.733.356			
*	Tài sản tạo lập năm 2009, 2010, 2012 và 2015, phục vụ đời sống, bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 102 và Điều 103 Luật Đất đai 2024									
-	Tường rào móng xây gạch, đá; tường xây gạch; trụ, giằng BTCT. Chiều cao 1,6m KT= 1,6 x 15 Đơn giá: 1.190.000đ + 51.000đ x 2 (chiều cao tường vượt quy định 0,2m)	m ²	24,00	1.292.000			31.008.000			Phụ lục I - Mục B - VI - 19.20, QĐ23/2026

TT	Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Nhà bếp móng xây đá hộc, tường xây blo cao 2,7m; mái lợp fibro; nền láng bê tông xi măng hệ thống điện nước đầy đủ KT= (5,6 + 2,5)/2 x 9,4	m ²	38,07	1.566.000			59.617.620			Phụ lục I - Mục A - II - 2, QĐ23/2026
-	Nhà móng xây đá hộc xung quanh xây blo cao 2,8m bổ trụ BTCT; vì kèo xà gỗ thép mái lợp tôn; cửa sắt tôn, nền bê tông xi măng hệ thống điện nước đầy đủ KT= 4,2 x 9 Đơn giá: 2.988.000đ + 32.000đ (chiều cao tường vượt quy định 0,1m)	m ²	37,80	3.020.000			114.156.000			Phụ lục I - Mục A - II - 8, QĐ23/2026
-	Nhà cấp IV: Nhà móng xây đá hộc kết hợp móng trụ BTCT; tường xây gạch bổ trụ BTCT, tường dày 25cm; nền láng xi măng; hiên đổ bê tông thu nước kết hợp mái lợp ngói; hệ thống điện nước đầy đủ. Nhà cao 3,6m KT: 4,3 x 9,4 = 40,42 Trong đó: + Trong phạm vi. KT: (2,1/2) x 7,5 = 7,875 + Ngoài phạm vi. KT: (4,3 x 9,4) - [(2,1/2) x 7,5] = 32,545 Đơn giá: 3.336.000đ + 80.000đ (tường dày >15cm) + (32.000đ x 6) (chiều cao tường vượt quy định 0,6m)	m ²	40,42	3.608.000			145.835.360			Phụ lục I - Mục A - I - 1.4.2, QĐ23/2026
Bồi thường toàn bộ tài sản đối với phần trong phạm vi và phần ngoài phạm vi thu hồi. (Căn cứ Công văn số 500/KTHT&ĐT ngày 12/05/2026 của Phòng KTHT&ĐT phường Đồng Thuận và Biên bản làm việc ngày 06/05/2026)										
-	Chuồng heo móng xây gạch, trụ BTCT, tường xây gạch, mái lợp tôn, nền láng bê tông xi măng. Nhà cao 2,2m KT= (9 + 4,8)/2 x 14,8 Trong đó: + Trong phạm vi. KT: 3,8 x 14,8 = 56,24 + Ngoài phạm vi. KT: (1,0 + 5,2)/2 x 14,8 = 45,88	m ²	102,12	718.000			73.322.160			Phụ lục I - Mục B - VI - 50.3, QĐ23/2026

TT	Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
	Bồi thường toàn bộ tài sản đối với phần trong phạm vi và phần ngoài phạm vi thu hồi. (Căn cứ Biên bản làm việc ngày 06/05/2026)									
-	Mái lợp tôn khung thép, cột BTCT, nền láng bê tông xi măng KT=(11 x 6) + (4,2 x 5) Trong đó: + Trong phạm vi. KT: (11 x 6) + (4,2 x 5) - (4,5 x 8,5) = 48,75 + Ngoài phạm vi. KT: (4,5 x 8,5) = 38,25	m ²	87,00	771.000			67.077.000			Phụ lục I - Mục B - VI - 45.13, QĐ23/2026
	Bồi thường toàn bộ tài sản đối với phần trong phạm vi và phần ngoài phạm vi thu hồi. (Căn cứ Công văn số 500/KTHT&ĐT ngày 12/05/2026 của Phòng KTHT&ĐT phường Đồng Thuận và Biên bản làm việc ngày 06/05/2026)									
-	Giếng khoan sâu <12m (khoan bằng máy), (địa hình đồng bằng)	cái	1,00	7.385.000			7.385.000			Phụ lục I - Mục B - VI - 28.9, QĐ23/2026
-	Giếng đào thả buy bê tông phi >1m	m	6,00	2.651.000			15.906.000			Phụ lục I - Mục B - VI - 28.5, QĐ23/2026
-	Hầm chứa nước KT= 2 x 2,2 x 2,2	m ³	9,68	985.000			9.534.800			Phụ lục I - Mục B - VI - 16.4, QĐ23/2026
-	Rá móng BTCT KT= 1,2 x 1,2 x 0,3	m ³	0,432	4.558.000			1.969.056			Phụ lục I - Mục B - VI - 6, QĐ23/2026
-	Trụ BTCT KT= 0,2 x 0,2 x 6 x 1 trụ	m ³	0,24	8.533.000			2.047.920			Phụ lục I - Mục B - VI - 2, QĐ23/2026
-	Hầm Biogas xây bằng gạch KT= 2 x 2 x 2 x 2 hồ	m ³	16,00	2.140.000			34.240.000			Phụ lục I - Mục B - VI - 14.1, QĐ23/2026
-	Bình nước Inox 500 lít	cái	1,00	2.150.000			2.150.000			Đơn giá VLXD
-	Ống nước uPVC Φ 114, dày 3,5 ^{mm}	m	40,00	182.556			7.302.240			Đơn giá VLXD

Handwritten signatures and initials.

TT	Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Đào trồng 6 năm	cây	1,00	755.400			755.400			Mục 9.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Buôi trồng 7 năm	cây	1,00	1.999.500			1.999.500			Mục 1.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Mít trồng 4 năm	cây	2,00	2.424.700			4.849.400			Mục 7.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Mãng cầu trồng 6 năm	cây	1,00	206.700			206.700			Mục 11.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Mai Φ5cm	cây	2,00	685.600			1.371.200			Mục 4.F - PL.1, QĐ12/2025
C	Các khoản hỗ trợ							391.000		
-	Hỗ trợ làm thủ tục chính lý giấy CNQSD đất (Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 15, QĐ 30/2026/QĐ-UBND). Đơn giá được quy định tại Nghị quyết số 97/2025/NQ-HĐND ngày 26/06/2025 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Công văn số 433/VPĐKĐĐ-KHTC ngày 10/09/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai. Cụ thể: 30.000đ/lệ phí + 210.000đ/phí + 151.000đ/giá dịch vụ công = 391.000đ	giấy	1,00	391.000				391.000		

18.2. Phương án bồi thường bồi thường bằng đất:

- Bố trí bồi thường bằng đất cho ông, bà Nguyễn Văn Hóa – Lê Thị Hoài Nam bằng lô đất TĐC-4.09, diện tích 154,0m², trong đó 100,0m² đất ở tại đô thị (ODT) và 54,0m² đất trồng cây lâu năm (CLN).
- Vị trí, diện tích loại đất theo Quyết định số 1049/QĐ-UBND ngày 15/6/2026 của UBND phường Đồng Thuận; Chính lý địa chính và Thống kê chính lý địa chính, tờ bản đồ địa chính số 225, 232, phường Đồng Thuận được Sở Nông nghiệp và Môi trường duyệt ngày 23/6/2026.
- Số tiền sử dụng đất phải nộp ngân sách Nhà nước khi được bồi thường bằng đất ở là: 1.511.300.000 đồng. Cụ thể:

TT	Hạng mục	Thửa đất số	Tờ BĐ số	Loại đất	Diện tích (m2)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
18	Ông bà: Nguyễn Văn Hóa - Lê Thị Hoài Nam Địa chỉ thường trú: 46 Cao Thắng, Tổ dân phố 8 Phú Xá, Phường Đồng Thuận Số tiền sử dụng đất phải nộp khi được bồi thường bằng lô đất TĐC-4.09, diện tích 154,0m ² , trong đó 100,0m ² đất ODT và 54,0m ² đất CLN, hướng Đông Bắc, đường rộng 19m là:							1.511.300.000	
-	Giá trị thửa đất bồi thường			ODT	100,0	11.900.000	1.190.000.000		Giá đất căn cứ khoản 3 Điều 111 Luật Đất đai 2024 và Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị: Phụ lục II - Mục 3. Số thứ tự 3.261 - Phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị - Khu tái định cư Lộc Ninh - Đường rộng 19m
				CLN	54,0	5.950.000	321.300.000		
	TỔNG CỘNG							1.511.300.000	

19. UBND phường Đồng Thuận

19.1. Phương án bồi thường, hỗ trợ:

TT	Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
	CỘNG:	Làm tròn số (đến hàng trăm đồng)				0	0	0	0	
A	Bồi thường về đất					0				
	Không được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai năm 2024									
-	Đất DGT, thửa số 223-2, TBĐ 209	m ²	15,4			0				
-	Đất DTL, thửa số 553-2, TBĐ 210	m ²	5,0			0				
-	Đất DGT, thửa số 305-2 , TBĐ 210	m ²	8,0			0				
-	Đất DGT, thửa số 306-2 , TBĐ 210	m ²	5,2			0				
-	Đất DGT, thửa số 502-2, TBĐ 211	m ²	21,6			0				
	Tổng diện tích thu hồi	m ²	55,2							

TT	Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
B	Bồi thường tài sản trên đất						0			
*	Thửa 223-2, TĐĐ 209									
-	Hiện trạng tài sản trên đất do ông, bà: Nguyễn Văn Phúc - Trần Thị Việt tạo lập									
*	Thửa 553-2, TĐĐ 210									
-	Hiện trạng tài sản trên đất do ông: Phan Thế Mỹ tạo lập									
*	Thửa 305-2, TĐĐ 210									
-	Hiện trạng tài sản trên đất do ông, bà: Nguyễn Xuân Hiếu - Nguyễn Thị Thái tạo lập									
*	Thửa 306-2, TĐĐ 210									
-	Hiện trạng tài sản trên đất do ông, bà: Nguyễn Xuân Hiếu - Nguyễn Thị Thái tạo lập									
*	Thửa 502-2, TĐĐ 211									
-	Hiện trạng tài sản trên đất do ông: Bùi Văn Thế tạo lập									
C	Các khoản hỗ trợ							0		
	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ					6.094.888.000	2.129.768.100	201.648.200	8.426.304.300	



BAN QLDA ĐTXD VÀ PTQĐ ĐỒNG HỚI

KT. TRƯỞNG BAN

PHÓ TRƯỞNG BAN



Nguyễn Thị Hương Giang